



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

17

Tháng 9 - 2015

## **TRAO KỶ NIỆM CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHO LÃNH ĐẠO VOV, THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM**

**Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015**



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho nhà báo Nguyễn Đăng Tiến - Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho nhà báo Nguyễn Hoài Dương - Phó Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
NĂM THỨ MƯỜI SÁU**

**17**

**SỐ 17- 9/2015**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Thủ tướng Chính phủ quyết định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7

#### **Văn bản của địa phương**

- Hải Dương quy định xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng và điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh 10
- Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội 11
- Thừa Thiên Huế chỉ thị tăng cường công tác quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh 14

## CHI TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

### ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

### Thông tin

#### Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

### Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo giới thiệu Dự án xây dựng bộ chỉ số đô thị 17  
chống chịu với biến đổi khí hậu tại Việt Nam
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành 18  
phố Quảng Ngãi là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng  
Ngãi
- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý chất thải xây 20  
dựng ở Liên bang Nga
- Triển vọng ứng dụng xốp cách nhiệt (EPS) trong 23  
lĩnh vực cầu đường của Liên bang Nga
- Cuộc sống mới của bê tông 25
- Xử lý, tận dụng tuần hoàn và khai thác công nghiệp 28  
hóa đối với chất thải rắn tại Trung Quốc

### Thông tin

- Trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho 32  
lãnh đạo VOV, Thông tấn xã Việt Nam
- Hội thảo Tăng cường sản xuất và sử dụng hiệu quả 33  
vật liệu xây không nung
- Hội thảo “Công nghệ xử lý bùn - Thu hồi năng lượng” 34
- Phát triển nhà ở xã hội - một trong những động lực 36  
phát triển kinh tế của Pháp
- Tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc) hoàn thiện công tác 39  
quản lý nhà ở cho thuê
- Thành phố Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc: Tích 40  
cực thúc đẩy thị trường cho thuê nhà ở, đảm bảo nhu  
cầu nhà ở cho người dân
- Đặc điểm thiết kế các tổ hợp công trình dịch vụ du lịch 42  
trong điều kiện khí hậu khô nóng của các nước Trung  
Á
- Kinh nghiệm quản lý xây dựng quy hoạch đô thị của 43  
Singapore



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Thủ tướng Chính phủ quyết định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)**

Ngày 10/8/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) với mục tiêu thực hiện hỗ trợ nhà ở cho khoảng 311.000 hộ nghèo khu vực nông thôn (theo báo cáo rà soát của các địa phương), đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững.

Quyết định này quy định nguyên tắc thực hiện việc hỗ trợ như sau: Hỗ trợ đến từng hộ gia đình, bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước, phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc, phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm, thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m<sup>2</sup> (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng

không thấp hơn 18 m<sup>2</sup>) và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc. Hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có yêu cầu) và chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết nợ vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Theo Quyết định này, hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở phải là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 5 năm; đồng thời phải đảm bảo các điều kiện: Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở; chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác. Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương

trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 8 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ.

Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giao đoạn 2011 - 2015 được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Thực hiện ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng theo thứ tự sau đây: Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật), hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn, hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/20018/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, các hộ gia đình còn lại.

Theo quy định tại Quyết định này, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho các hộ dân thuộc diện đối tượng vay theo mức quy định tại Quyết định này. Nguồn vốn vay do ngân sách trung ương cấp 50% trên tổng số vốn vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội, 50% còn lại do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động. Ngoài ra, nguồn vốn thực hiện còn là vốn huy động từ “Quỹ vì người nghèo” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) các cấp và các tổ chức thành viên của MTTQVN phối hợp vận động từ cộng đồng xã hội và từ các doanh nghiệp. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng phối hợp vận động các doanh nghiệp ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” và hỗ trợ cho Chương trình; vốn của hộ gia đình được huy động từ gia đình, dòng họ; vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu khác.

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/ hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm, thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay. Về phương thức cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài mức vay, hộ gia đình tham gia đóng góp và huy động các nguồn vốn khác từ cộng đồng để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo quy mô và chất lượng theo quy định. Về việc giải ngân vốn vay, UBND cấp xã thực hiện xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối với những gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

Về thủ tục quy trình vay vốn, Quyết định này quy định như sau: Các thôn tổ chức bình xét đối tượng và phân loại ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch và gửi danh sách số hộ được bình xét lên UBND cấp xã. UBND cấp xã xem xét, rà soát lại danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trình UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo UBND cấp tỉnh để làm cơ sở lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 trên địa bàn. UBND cấp tỉnh gửi danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Đối với vốn vay, hộ gia đình thực hiện thủ tục, quy trình vay

vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội. Đối với vốn huy động từ “Quý vì người nghèo” và các đóng góp tự nguyện khác trên địa bàn, MTTQVN các cấp phối hợp với UBND cùng cấp hỗ trợ cho các hộ thuộc diện đối tượng. UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình xây dựng và sửa chữa nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng theo quy định của Quyết định này và vận động các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở. Đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, nèo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng được, UBND cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh của địa phương tổ chức xây dựng cho các đối tượng này.

Sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc bình xét, lập danh sách số hộ nghèo được hỗ trợ theo quy định, đồng thời lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2015.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 10/9/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1560/QĐ-TTg phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với tính chất là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo của tỉnh Bắc Ninh; là một trọng tâm kinh tế thuộc vùng trọng điểm phía Đông và Đông Nam Vùng Thủ đô Hà Nội, nối Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ, có tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch và kinh tế tri thức; là một đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của Vùng Thủ đô Hà Nội, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; gắn kết với hai hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hướng đến mục tiêu xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh trở thành đô thị loại I vào những năm hai mươi của thế kỷ XXI, làm tiền đề để xây dựng tỉnh trở

thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh trở thành thành phố văn hóa, sinh thái, hướng tới kinh tế tri thức, đô thị thông minh; tăng cường quản lý, thu hút đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển bền vững, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2050, trở thành một trong những trung tâm kinh tế quan trọng của Vùng kinh tế Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội với trọng tâm là dịch vụ thương mại, đào tạo - nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa, y tế - nghỉ dưỡng và logistic với chất lượng cao; trở thành một đầu mối giao lưu, trung tâm du lịch văn hóa, đào tạo - nghiên cứu khoa học của Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế Bắc Bộ và cả nước, có ý nghĩa quốc tế; trở thành đô thị lớn phát triển bền vững với đặc trưng văn hóa - sinh thái - tri thức, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao, có điều kiện an sinh tốt và cuộc sống có chất lượng cao, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Về dự báo phát triển quy mô dân số, đến

năm 2020, đạt khoảng 716.000 người, dân số đô thị khoảng 480.000 người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 67%; đến năm 2030, đạt khoảng 890.000 người, dân số đô thị khoảng 735.000 người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 83%. Về quy mô đất đai, đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 7.200 ha, chỉ tiêu khoảng 150 m<sup>2</sup>/người, đến năm 2030, đất xây dựng đô thị khoảng 11.000 ha, chỉ tiêu khoảng 150 m<sup>2</sup>/người.

Theo Quy hoạch này, đô thị Bắc Ninh phát triển theo 3 hành lang tạo thành tam giác phát triển đô thị, trọng tâm của tam giác phát triển là khu vực Phất Tích, các cực Bắc Ninh, Từ Sơn, Tiên Du, Nam Sơn là các trọng điểm có vai trò động lực phát triển đô thị. Về định hướng phát triển không gian đô thị, đối với khu vực hiện hữu, cải tạo, nâng cấp các trung tâm hành chính, công cộng, thương mại, dịch vụ, di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp ra bên ngoài, bổ sung hoàn thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, cải tạo, chỉnh trang cảnh quan đô thị, chỉnh trang kiến trúc các khu dân cư và làng xóm đô thị hóa trong quá trình mở rộng đô thị; bảo tồn các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể, bảo tồn các không gian làng truyền thống và bộ khung thiên nhiên các triền sông, núi Sốt là những yếu tố quan trọng làm nên sự khác biệt của đô thị Bắc Ninh, bảo tồn tự nhiên và di sản quanh khu vực Phất Tích, khu vực núi Dạm, bảo tồn tự nhiên khu vực Phú Lâm, bảo tồn tự nhiên và di sản sông Đuống, Quan họ sông Cầu, bảo tồn tự nhiên và làng nghề, làng Quan họ sông Ngũ Huyện Khê. Đối với khu vực phát triển mới, phân khu đô thị Bắc Ninh là trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh Bắc Ninh, trung tâm cấp vùng về thương mại - dịch vụ - tài chính - công sở, đến năm 2030 dân số đạt khoảng 245.000 người, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.400 ha; phát triển mới khu đô thị Tây Bắc với trung tâm hành chính mới thành phố Bắc Ninh, xây dựng mới các khu

thương mại - dịch vụ cấp đô thị; phát triển mới khu vực đô thị phía Tây với trung tâm là trục đường H, xây dựng mới trung tâm thương mại, dịch vụ cấp Vùng Thủ đô. Phân khu đô thị Tiên Du là đô thị văn hóa, lịch sử, giáo dục đào tạo, trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo, du lịch, trung tâm cấp đô thị về thương mại, dịch vụ, đến năm 2030 dân số đạt khoảng 100.000 người, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 1.600 ha; phát triển đô thị mới phía Bắc với trung tâm là ga đường sắt đô thị; phát triển đô thị đại học kết hợp với các khu dân cư, các công trình dịch vụ phục vụ trường đại học và dân cư, kết nối với ga đường sắt đô thị. Phân khu đô thị Nam Sơn là đô thị sinh thái - đào tạo - khoa học kỹ thuật, trung tâm kinh tế tri thức của đô thị Bắc Ninh, gắn kết với thiên nhiên, đến năm 2030 quy mô dân số đạt khoảng 100.000 người, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.000 ha. Phân khu đô thị Từ Sơn là đô thị công nghiệp tiếp cận Thủ đô, trung tâm công nghiệp sạch, công nghệ cao của Vùng Thủ đô, đô thị có các khu dân cư chất lượng cao với trung tâm là giao thông công cộng thu hút dân cư đến định cư, giảm áp lực trung tâm dân số cho Thủ đô, đến năm 2030 quy mô dân số đạt khoảng 310.000 người, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 5.000 ha.

Với khu vực nông thôn, cải tạo và xây dựng nông thôn mới trên cơ sở bảo tồn, gìn giữ cấu trúc không gian làng truyền thống, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, tôn giáo và cảnh quan thiên nhiên gắn với khai thác du lịch nông thôn, xây dựng và phát triển nông thôn mới đạt các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; phát triển mô hình khu dân cư sinh thái mật độ thấp, là trung tâm dịch vụ hỗ trợ du lịch, nông nghiệp, làng nghề truyền thống; phát triển các vùng nông nghiệp ngoại thành, ngoại thị, gắn với quá trình đô thị hóa các phân khu đô thị; phát triển mô hình nông nghiệp kỹ thuật cao tại khu vực Nam Sơn trên cơ sở liên kết với các trung tâm nghiên cứu.



Về định hướng thiết kế đô thị tổng thể, xây dựng 1 phân khu đô thị trung tâm (Bắc Ninh) và 3 phân khu đô thị (Từ Sơn, Tiên Du, Nam Sơn), phát huy văn hóa truyền thống của mỗi khu vực; xây dựng các trục không gian cảnh quan chính theo các tuyến giao thông; trục cảnh quan trên cơ sở phát triển bộ khung thiên nhiên trên trục không gian sông Đuống, sông Cầu và sông Ngũ Huyện Khê, trục không gian xanh sinh thái và trục không gian xanh liên kết... hình thành mạng lưới nước và cây xanh liên kết với nhau trên toàn đô thị; cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị hiện hữu, bảo tồn không gian kiến trúc các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn không gian làng truyền thống đô thị bằng các khoảng đệm xanh.

Quy hoạch này đã hướng dẫn thiết kế đô thị các khu vực trọng điểm. Cụ thể, xây dựng không gian kiến trúc hiện đại, cao tầng, là biểu tượng của thành phố Bắc Ninh theo các trục giao thông chính; xây dựng trung tâm thương mại - dịch vụ - văn phòng cấp Vùng Thủ đô tại thành phố Bắc Ninh với kiến trúc cao tầng, hiện đại, có không gian mở nhiều cây xanh với công viên trung tâm và quảng trường trung tâm, thiết kế kiến trúc có phong cách riêng, bố trí mạng lưới đỗ xe ngầm trong khu vực; xây dựng khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh với không gian giao lưu văn hóa, vui chơi giải trí, bố trí các công viên quy mô lớn kết nối với nhau bằng hệ thống cây xanh và mặt nước (tại đây xây dựng trung tâm hành chính thành phố với kiến trúc hiện đại, theo hướng kiến trúc xanh); xây dựng trục cảnh quan dọc đường tỉnh 295C với nhiều công trình kiến trúc cao tầng hai bên trục đảm bảo sử dụng quỹ đất hiệu quả và tạo bộ mặt hiện đại cho đô thị mới; xây dựng đô thị mới Nam Sơn với trục đô thị phát huy ngòi Con Tên kết nối núi Đạm - sông Đuống, xây dựng không gian đa chức năng, phục vụ du lịch hai bên ngòi Con Tên, xây dựng các khu nghiên cứu khoa học và các khu dân cư với kiến trúc hài hòa với thiên nhiên, mật độ xây dựng thấp, tỉ lệ đất cây

xanh cao. Xây dựng khu vực trung tâm phân khu đô thị Tiên Du với trung tâm là ga đường sắt đô thị và tổ hợp các công trình thương mại dịch vụ, tạo bộ mặt kiến trúc chào đón du khách đến lễ hội Lim, cải tạo, nâng cấp quảng trường lễ hội Lim. Hình thành mạng lưới cây xanh, mặt nước phát huy sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan sinh thái nông nghiệp, các làng truyền thống ven sông, bảo tồn và khôi phục dòng sông Tiêu Tương, bảo tồn địa hình đồi núi đặc trưng trong khu quy hoạch như núi Chè, núi Phật Tích... Cải tạo các khu dân cư, nâng cao chất lượng kiến trúc cảnh quan và môi trường sống, bảo tồn kiến trúc làng truyền thống, các di tích lịch sử, không gian sinh hoạt văn hóa làng quan họ.

Về định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, cốt san nền, phân khu đô thị Bắc Ninh 4,5 - 5,0 m, phân khu đô thị Từ Sơn và phân khu đô thị Tiên Du 6,0 - 6,5 m, phân khu đô thị Nam Sơn 5,0 - 5,5 m; chiều cao đê 8,2 - 12,0 m; thoát nước mưa, hình thành 3 lưu vực thoát nước mưa với các trục thoát nước chính theo hướng sông Cầu, sông Đuống và sông Ngũ Huyện Khê... Về định hướng quy hoạch cấp nước, chỉ tiêu cấp nước đến năm 2020 là 120 lít/người ngày đêm, tỉ lệ cấp nước 90%; đến năm 2030 là 180 lít/người ngày đêm, tỉ lệ cấp nước 100%. Nguồn nước gồm nước mặt và nước ngầm, chủ yếu lấy nước mặt sông Đuống và sông Cầu. Các công trình cấp nước xây mới hoặc mở rộng nâng cấp công suất các nhà máy nước hiện có. Mạng lưới đường ống sử dụng mạng vòng và nhánh cụt, đảm bảo an toàn cấp nước, cải tạo nâng cấp xây mới mạng lưới đường ống, các trạm bơm tăng áp, các công trình phụ trợ. Về định hướng quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường, chỉ tiêu thu gom xử lý nước thải đến năm 2020 tính bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước, đến năm 2030 tính bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước. Nước thải sinh hoạt đến năm 2020 khoảng 75.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030

khoảng 198.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải công nghiệp đến năm 2020 khoảng 26.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 48.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các khu vực đô thị mới, khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng, đối với các khu vực dân cư hiện trạng đang sử dụng hệ thống thoát nước chung sẽ tiến tới chuyển đổi sang thoát nước riêng. Lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh 1,3 kg/người/ngày; tỉ lệ thu gom CTR 90 - 100%, tổng lượng CTR thu gom đến năm 2020 khoảng 800 tấn/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 2.000 tấn/ngày đêm. Nâng

cấp nhà máy xử lý CTR tại khu vực xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, xây mới các nhà máy xử lý CTR tại khu vực Từ Sơn, Tiên Du. Các khu xử lý CTR có công nghệ hiện đại, sử dụng các công nghệ tái chế, thân thiện với môi trường, giảm thiểu lượng rác thải chôn lấp. Rác thải công nghiệp và rác thải y tế được phân loại, thu gom và xử lý riêng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Hải Dương quy định xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng và điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh**

Ngày 12/6/2015, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND quy định xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng và điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, Phương pháp xác định đơn giá nhân công theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là: Thông tư 01/2015/TT-BXD) cụ thể như sau: Đơn giá nhân công được xác định theo công thức sau:  $G_{NC} = L_{NC} \times H_{CB} \times 1/t$ , trong đó,  $G_{NC}$ : đơn giá nhân công tính cho một ngày công trực tiếp sản xuất xây dựng;  $L_{NC}$ : mức lương đầu vào để xác định đơn giá nhân công cho một ngày công trực tiếp sản xuất xây dựng (công bố tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư 01/2015/TT-BXD), mức lương này đã bao gồm các khoản lương phụ, các khoản phụ cấp

lưu động, phụ cấp khu vực, phụ cấp không ổn định sản xuất và đã tính đến các yếu tố thị trường;  $H_{CB}$ : hệ số lương theo cấp bậc của nhân công trực tiếp sản xuất xây dựng (công bố tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư 01/2015/TT-BXD); t: 26 ngày làm việc trong tháng.

Chi phí nhân công xây dựng thuộc nhóm I trong đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh Hải Dương công bố tại các văn bản số 34,37/UBND-VP ngày 09/01/2008 về đơn giá xây dựng công trình phần xây dựng, sửa chữa khi lập dự toán xây dựng được điều chỉnh như sau: Tại thành phố Hải Dương (mức lương đầu vào 2.150.000 đồng/tháng), chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh  $K_{ĐCNC} = 3,55$ ; tại thị xã Chí Linh và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kim Thành, Kinh Môn, Gia Lộc, Bình Giang, Tứ Kỳ (mức lương đầu vào 2.000.000 đồng/tháng), chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh  $K_{ĐCNC} = 3,3$ ; tại các huyện Thanh Hà, Ninh Giang, Thanh Miện

(mức lương đầu vào 1.900.000 đồng/tháng), chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh  $K_{ĐCNC} = 3,14$ .

Đối với các loại nhân công xây dựng thuộc nhóm II tính theo đơn giá công bố tại các Văn bản số 34/UBND-VP ngày 09/01/2008 thì áp dụng hệ số điều chỉnh nhân công quy định tại điểm a khoản này nhân với hệ số chuyển đổi bổ sung tăng thêm  $K_{ĐCI} = 1,125$ . Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh Hải Dương công bố tại văn bản số 36/UBND-VP ngày 09/01/2008 về đơn giá xây dựng công trình phânkhảo sát thì áp dụng hệ số điều chỉnh nhân công quy định tại điểm a khoản này nhân với hệ số chuyển đổi bổ sung giảm trừ (thay đổi từ nhóm II về nhóm I):  $K_{ĐCII} = 0,94$ . Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh Hải Dương công bố tại các văn bản số 33/UBND-VP ngày 09/01/2008 về đơn giá xây dựng công trình phânlắp đặt thì áp dụng hệ số điều chỉnh nhân công quy định tại điểm a khoản này nhân với hệ số chuyển đổi bổ sung tăng thêm  $K_{ĐCIII} = 1,059$ . Giá ca máy được xác định theo các Định mức ca máy và thiết bị thi công do cơ quan có thẩm quyền công bố và Hướng dẫn tại Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình. Trong đó chi phí nhân công xác định theo đơn giá nhân công quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Cũng theo Quy định này, công trình, hạng mục công trình đã ký hợp đồng xây dựng trước ngày 15/5/2015; công trình, hạng mục công trình do UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, được phê duyệt tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng trước ngày 15/5/2015

và đã ký kết hợp đồng xây dựng trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh đơn giá nhân công theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Công trình, hạng mục công trình do UBND hoặc UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, được phê duyệt tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng nhưng đến ngày 15/5/2015 chưa ký hợp đồng xây dựng thì phải điều chỉnh đơn giá nhân công theo quy định này để làm cơ sở ký kết hợp đồng. Các công trình, hạng mục công trình có kế hoạch đấu thầu được duyệt, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, đã có kết quả trúng thầu nhưng đến ngày 15/5/2015 chưa ký hợp đồng thì phải điều chỉnh đơn giá nhân công theo Quy định này. Công trình, hạng mục công trình phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình, giá gói thầu trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2015 đến ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì việc xác định chi phí nhân công dựa trên định mức dự toán xây dựng công trình được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố và mức lương đầu vào theo vùng để xác định đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Thông tư 01/2015/TT-BXD. Đối với một số dự án đầu tư xây dựng đang áp dụng mức lương và một số khoản phụ cấp có tính đặc thù riêng do UBND cho phép thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc đầu tư xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng. Công trình, hạng mục công trình khác được xử lý chuyển tiếp theo quy định tại Điều 6 Thông tư 01/2015/TT-BXD.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:  
[www.haiduong.gov.vn](http://www.haiduong.gov.vn))

## **Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội**

Ngày 13/8/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ban hành

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội với mục tiêu: Cụ thể hóa nội dung quản

lý quy hoạch, kiến trúc theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011) và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà Nội (được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014); bảo tồn, tôn tạo, khai thác, phát huy các giá trị di sản và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững; quản lý phát triển đô thị, cấp phép xây dựng, cải tạo, chỉnh trang theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, đúng quy hoạch, đồng thời bảo vệ kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Theo Quyết định này, quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội được quản lý theo nguyên tắc sau: Bảo tồn và phát huy cấu trúc, không gian đô thị cũ – thành phố vườn, duy trì và khôi phục các không gian công cộng, quảng trường, không gian xanh, vườn hoa và các yếu tố tạo thành tổng thể kiến trúc có giá trị; bảo tồn các tuyến phố có nhiều kiến trúc đặc trưng và các tuyến phố có nhiều biệt thự cũ xây dựng trước năm 1954; nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc đồng bộ 2 bên các tuyến phố, đường bao của Khu phố cũ; bảo tồn, tôn tạo kiến trúc và các công trình có giá trị lịch sử, văn hóa và cách mạng, bao gồm các công trình cơ quan công quyền, các công trình công cộng, tôn giáo, cầu Long Biên, các biệt thự, công thự thời Pháp thuộc có giá trị, công trình có giá trị được xây dựng sau năm 1954, các di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và các công trình có giá trị khác, với không gian cảnh quan đầy đủ sân vườn, tổ chức dỡ bỏ những phần xây cơ nói làm biến dạng kiến trúc khuôn viên công trình. Tăng cường chất lượng và sự đa dạng về cảnh quan trong Khu phố cũ, phát triển hệ thống không gian mở, các tuyến đi bộ kết nối các quảng trường với công trình văn hóa, thương mại và dịch vụ, Khu phố cổ, Khu vực hồ Gươm, tạo lập không gian cây xanh, công viên, công trình văn hóa biểu tượng của Thủ đô, kết nối Khu phố cũ với sông Hồng. Quản lý chặt chẽ chức năng

công trình, chức năng sử dụng đất nhằm hạn chế, tiến tới giảm dân số, giảm áp lực lên hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, ưu tiên phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (trường học, công trình văn hóa, thể thao, không gian mở, cây xanh, bãi đỗ xe và các công trình công cộng khác) cho khu vực, đặc biệt tại các quỹ đất sau khi di dời các cơ sở Bộ, ngành, y tế, giáo dục và đào tạo, công nghiệp. Việc quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội, ngoài việc tuân thủ quy định của Quy chế này, còn phải tuân thủ các quy định khác có liên quan (bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà Nội, các Quy hoạch phân khu đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng khu vực nội đô lịch sử, thiết kế đô thị và quy định hiện hành khác). Trường hợp có quy định khác nhau giữa Quy chế này và các văn bản khác thì ưu tiên áp dụng theo thứ bậc hiệu lực pháp lý của các văn bản hoặc theo nội dung quản lý chuyên ngành, nội dung áp dụng cụ thể do Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, đề xuất, UBND Thành phố xem xét, quyết định. Việc quản lý quy hoạch, kiến trúc đối với các khu vực phụ cận được thực hiện trên cơ sở áp dụng các quy định của Quy chế này và phải đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ với quy hoạch, kiến trúc của khu vực Khu phố cũ Hà Nội (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này).

Quy định chung về quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội được quy định tại Quyết định này là: Trong Khu phố cũ Hà Nội, việc quản lý chiều cao, mật độ xây dựng, mật độ dân số được thực hiện trên cơ sở quản lý quy hoạch và không gian đối với các ô phố quy định tại Điều 9, Điều 10 của Quy chế này. Các công trình nằm trên các đoạn tuyến phố, quảng trường, nút giao thông còn phải tuân thủ các quy định về quản lý quy hoạch và không gian tại Điều 8, Điều 11 của Quy chế này; các công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật còn phải tuân thủ các quy định

tại Mục 2, Mục 3 Chương II của Quy chế này. Việc quản lý các không gian mở, cây xanh, mặt nước; nguyên tắc quản lý, sử dụng quỹ đất sau khi di dời, chuyển đổi chức năng sử dụng đất phải tuân thủ quy định tại Điều 12, Điều 14 của Quy chế này. Chiều cao, mật độ xây dựng, mật độ dân số được quản lý trên cơ sở các quy định chung như sau: Tầng cao xây dựng đặc trưng là 4 - 6 tầng, chiều cao khoảng 16 - 22 m, chiều cao và tầng cao tối đa ở mỗi ô phố được quy định cụ thể tại Phụ lục 5-B; mật độ xây dựng tại các ô phố không quá 70%; mật độ dân số khoảng 230 người/ha; chiều cao và tầng cao tối đa quy định có thể được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định không áp dụng đối với một số trường hợp sau: Tại một số lô đất lớn, thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Quy chế này, có thể xem xét, cho phép xây dựng công trình đến 8 tầng/ 29 m, nhưng phải tuân thủ các quy định có liên quan khác của Quy chế này. Tại một số vị trí, thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Quy chế này, có thể xem xét, cho phép xây dựng công trình cao tầng để tạo điểm nhấn đô thị nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc chung và các quy định chung về quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội được quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này. Hạn chế xây dựng thêm công trình nhà ở, trừ trường hợp cải tạo, chỉnh trang hoặc xây dựng lại để phục vụ nhu cầu tái định cư tại chỗ hoặc trường hợp xử lý nhà nguy hiểm có nguy cơ sập đổ. Hạn chế tối đa xây dựng mới công trình nhà ở cao tầng làm tăng quy mô dân số Khu phố cũ. Không xây dựng xen cấy công trình cao tầng mới.

Quy chế này cũng quy định về hình thức, vật liệu kiến trúc. Cụ thể, các công trình xây mới phải có tỉ lệ phân vị đúng, khoảng lùi, chiều cao mỗi tầng, ngôn ngữ kiến trúc, màu sắc, vật liệu tương đồng, phù hợp với các công trình có giá trị hoặc công trình chủ đạo gần đó và trong đoạn tuyến phố đó. Các phần coi nói, lấn chiếm không gian phải bị dỡ bỏ, các bộ phận mái tạm, biển quảng

cáo sai quy cách, cũ, hỏng, đặc biệt là tại bề mặt các công trình có giá trị và di tích phải được tháo dỡ, chỉnh sửa, lắp đặt mới theo đúng quy định. Màu sắc của công trình phải đảm bảo hài hòa, phù hợp trên cả dãy phố, không sử dụng các vật liệu, màu sắc mặt nhà có độ phản quang cao, có tính chất quảng bá sản phẩm hoặc che phủ chống thấm bằng màu đen, xám. Không sử dụng các chi tiết kiến trúc pha tạp nhiều phong cách kiến trúc khác nhau trên cùng một công trình hoặc sử dụng nhiều chi tiết kiến trúc cổ điển rườm rà, trừ các công trình bảo tồn, phục dựng theo nguyên bản của di sản kiến trúc.

Cũng theo Quy chế này, mọi tuyến phố có mặt cắt ngang trên 12 m và khu vực quan trọng phải được cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch và triển khai thiết kế đô thị theo quy định. Việc cải tạo, chỉnh trang công trình trên đoạn tuyến phố chỉ được cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép thực hiện trên cơ sở có phương án nghiên cứu kiến trúc của bản thân công trình và mặt đứng kiến trúc của các công trình xung quanh theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này. Đối với một số công trình tại một số đoạn tuyến phố được quy định cụ thể trong Phụ lục 5-B, phải có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng cả đoạn tuyến phố làm cơ sở xem xét, cho phép cải tạo chỉnh trang công trình tại khu vực này. Đối với một số công trình có mặt đứng kiến trúc đặc trưng, nổi bật trên một số đoạn tuyến phố, được quy định cụ thể trong Phụ lục 5-B, việc cải tạo, chỉnh trang công trình chỉ được cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép trên cơ sở có phương án nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc mặt đứng của công trình đó theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này. Tại một số đoạn tuyến phố, được quy định cụ thể trong Phụ lục 5-B, phải tổ chức thực hiện việc phá dỡ công trình tạm, công trình lấn chiếm, xây dựng trái phép, cải tạo, chỉnh trang đối với một, một số công trình để đảm bảo mỹ quan đô thị. Việc phá dỡ, cải tạo, chỉnh trang đối với các công trình này phải được đưa vào Danh mục, Kế hoạch và phải được tổ

chức thực hiện theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Điểm a Khoản 2 và Điểm đ Khoản 3 Điều 25 của Quy chế này. Khuyến khích lựa chọn các khu đất có vị trí tiếp giáp các không gian mở, nút giao thông, đường bao, tuyến phố lớn có nhiều điểm nhìn để tạo dựng điểm nhấn đô thị, với hình thức mới, hiện đại, tác động tích

cực đến cảnh quan khu vực, tạo ấn tượng văn hóa và hiệu quả kinh tế, xã hội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))

## **Thừa Thiên Huế chỉ thị tăng cường công tác quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh**

Ngày 21/8/2015, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Chỉ thị số 33/2015/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Chỉ thị này, công tác quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như: Ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một số người sử dụng đất vẫn chưa thực sự tốt; việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được đặt thành nhiệm vụ thường xuyên và một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện chưa được đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên cũng như tăng cường hiệu quả công tác quản lý, giám sát, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nghiêm túc thực hiện các nội dung cụ thể sau:

UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế chỉ đạo UBND các xã, phường và thị trấn, các ban, ngành cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và hộ gia đình cá nhân sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; tích cực, chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị kịp thời ngăn chặn không để xảy

ra tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái pháp luật, không tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố; tổ chức lập, điều chỉnh và trình thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải đăng ký đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các công trình, dự án có sử dụng đất tại địa phương; có nhiệm vụ hướng dẫn, rà soát, tổng hợp đăng ký danh mục công trình dự án thu hồi đất, các công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng của địa phương mình quản lý và các dự án có nhu cầu sử dụng đất khác để trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo đúng quy định; tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo đúng quy định về thời gian và phải lấy ý kiến nhân dân, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của nhân dân; thực hiện công bố công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định; kịp thời xử lý hoặc báo cáo để xử lý những hành vi vi phạm đến việc sử dụng đất không đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; tổ chức thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền phải đảm

bảo phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được duyệt; tổ chức thực hiện, kiểm tra và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo Điều 50, Luật Đất đai năm 2013.

Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình tham mưu lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và hướng dẫn, thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải đảm bảo cân đối quỹ đất đáp ứng được nhu cầu về đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, cân bảo vệ diện tích đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, thanh tra việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đồng bộ, đầy đủ các quy trình, quy định tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định pháp luật hiện hành và theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc thẩm định, tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được duyệt; thực hiện chỉ đạo các cấp công bố công khai quy hoạch sử dụng đất sau khi đã được duyệt; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo Điều 50 Luật Đất đai năm 2013.

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh hàng năm căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của đơn vị, ngành mình để tiến hành rà soát, đăng ký các công

trình, dự án có sử dụng đất cần thực hiện trong năm sau gửi về UBND cấp huyện nơi triển khai dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Trong quá trình tham mưu, đề xuất, thẩm tra hoặc phê duyệt dự án đầu tư phải xem xét sự phù hợp so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, không để xảy ra tình trạng dự án đầu tư đã được chấp thuận, phê duyệt mà vị trí, địa điểm không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy hoạch của ngành mình thống nhất với quy hoạch sử dụng đất.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng theo đúng mục đích, đúng diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không bỏ đất hoang, đầu tư cải tạo làm tăng độ màu mỡ, bảo vệ môi trường sinh thái. Hàng năm, nếu có nhu cầu thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất phải thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất; thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện giám sát và phản ánh các trường hợp sai phạm trong lập, điều chỉnh, công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng đất.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại:  
[www.thuathienhue.gov.vn](http://www.thuathienhue.gov.vn))**

## Hội thảo giới thiệu Dự án xây dựng bộ chỉ số đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu tại Việt Nam

Ngày 04/9//2015 tại Hà Nội, Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng (UDA) đã phối hợp với Quỹ châu Á (TAF) và Viện Nghiên cứu chuyển đổi môi trường & xã hội (ISET) tổ chức Hội thảo giới thiệu Dự án xây dựng bộ chỉ số đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu (BĐKH) tại Việt Nam. Tham dự và chủ trì Hội thảo có bà Trần Thị Lan Anh - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị; ông Michael DiGregorio - Trưởng Đại diện TAF tại Việt Nam; ông Trần Văn Giải Phóng - đại diện ISET Việt Nam. Hội thảo còn có sự tham gia của lãnh đạo các Bộ ngành liên quan, các Cục Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng; đại diện các Hội và Hiệp hội chuyên ngành; đại diện các tổ chức quốc tế như GIZ, JICA, UN- Habitat; lãnh đạo một số địa phương tham gia dự án.

Trong bài phát biểu khai mạc Hội thảo, bà Trần Thị Lan Anh cho biết: Dự án xây dựng bộ chỉ số đô thị chống chịu với BĐKH tại Việt Nam (gọi tắt là Dự án VN-CRI) do Quỹ Rockefeller tài trợ được triển khai là một bước thực hiện Quyết định 2623/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2020", trong đó giao Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh/ thành phố triển khai thực hiện.

Dự án được triển khai với vòng tròn đối tác như sau: TAF đóng vai trò quản lý dự án; giám sát và hướng dẫn các hoạt động của dự án. ISET có vai trò cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho giai đoạn triển khai dự án, trong đó có việc phân tích và ứng dụng chỉ số phục hồi đô thị (CRI) ở 05 thành phố được lựa chọn thử nghiệm (Lào Cai, Uông Bí, Hội An, Gia Nghĩa và Cà Mau) phục vụ cho công tác xây dựng chính sách phù hợp. UDA là đơn vị đầu mối của Bộ Xây dựng, phối hợp với ISET trong công tác đánh giá các



*Bà Trần Thị Lan Anh - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị phát biểu khai mạc Hội thảo*

nguồn dữ liệu, xây dựng ma trận và hướng dẫn thu thập số liệu, hỗ trợ cơ sở pháp lý và các biện pháp hành chính cho các bên trong suốt quá trình thực hiện dự án. Trong giai đoạn tiếp theo (năm 2016) VN - CRI sẽ được nhân rộng tại 20 tỉnh, thành phố trên các vùng miền của cả nước được quy định trong Quyết định 2623/QĐ-TTg. Thời gian hoàn thành toàn bộ dự án dự kiến vào cuối năm 2016.

Mục tiêu của dự án là xây dựng và thử nghiệm chỉ số CRI nhằm hỗ trợ các cơ quan chính quyền cấp địa phương và Trung ương tại Việt Nam nâng cao hiểu biết, đánh giá, giám sát và tăng cường khả năng phục hồi biến đổi khí hậu. CRI được xây dựng dựa trên khung khả năng chống chịu của thành phố (CRF) của Quỹ Rockefeller, trên cơ sở các đặc điểm đô thị hóa và thích ứng với BĐKH của các đô thị Việt Nam. Bằng cách thiết lập VN-CRI, các cơ quan TW và địa phương sẽ được trang bị tốt hơn để hiểu biết, đánh giá và giám sát khả năng ứng phó với BĐKH của đô thị. Hơn nữa, bằng cách tích hợp các chỉ số với các quy định pháp quy đã ban hành của Bộ Xây dựng, dự án có thể khuyến khích các cơ quan địa phương lồng ghép nội dung phục hồi BĐKH vào quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.



Tại Hội thảo, bên cạnh việc giới thiệu tổng quan về Chương trình Phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2013 - 2020 cũng như các nội dung hợp tác triển khai dự án cụ thể; đại diện TAF và ISET cũng đã trình bày và phân tích sâu về sự cần thiết xây dựng chỉ số đô thị chống chịu với BĐKH tại Việt Nam; khả năng chống chịu và chỉ số đánh giá khả năng chống chịu ở khu vực đô thị, và các bài học kinh nghiệm quý giá từ một số quốc gia có phòng khí hậu tương đồng Việt Nam như Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ... Các cơ quan, đơn vị phía Việt Nam, đại diện các tổ chức quốc tế cũng tích cực thảo luận về thời hạn triển khai dự án, về sự cần thiết nghiên cứu kỹ đặc thù vùng miền để đưa ra những chỉ tiêu phù hợp. Trải qua những trận bão, mưa lũ lịch sử (điển hình là trận mưa lũ

cuối tháng 7 - đầu tháng 8 năm nay tại vùng than Quảng Ninh), đại diện các địa phương cùng chia sẻ kinh nghiệm và đồng thuận với tính cấp thiết của việc xây dựng bộ chỉ số, cũng như đánh giá cao sáng kiến của các bên tham gia dự án.

Với sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan và sự tham gia tích cực của các địa phương, dự án được kỳ vọng sẽ đạt những kết quả tốt đẹp đúng theo tiến độ đã đề ra; sản phẩm của dự án sẽ trở thành bộ công cụ hữu ích hỗ trợ các đô thị Việt Nam tự đánh giá khả năng chống chịu với các rủi ro, thiên tai từ BĐKH, đồng thời hướng dẫn khả năng phục hồi các đô thị trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

Lệ Minh

## Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Quảng Ngãi là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 11/9/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Quảng Ngãi là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự Hội nghị, đại diện chính quyền địa phương có ông Lê Viết Chữ - Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; đại diện các Bộ ngành TW, Văn phòng Chính phủ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành, các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Trình bày tóm tắt Đề án, ông Phạm Tấn Hoàng - Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi cho biết: Quảng Ngãi là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật và an ninh quốc phòng của tỉnh Quảng Ngãi. Nằm ở vị trí trung lộ trên các tuyến giao thông huyết mạch (đường bộ, đường sắt Bắc Nam), tiếp cận thuận lợi với cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng và sân bay Chu Lai - là những nhân tố rất quan trọng kích thích sự phát triển kinh tế



Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị

- xã hội cho thành phố Quảng Ngãi nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, đặc biệt kể từ năm 2002 khi thành phố Quảng Ngãi được công nhận là đô thị loại III đến nay, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các ban ngành TW, cùng với nội lực và quyết tâm của mình, thành phố đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội

và xây dựng phát triển đô thị. Sau khi được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh theo Nghị định số 112/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005; ngày 12/12/2013 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 123/NQ-CP để mở rộng địa giới hành chính thành phố Quảng Ngãi, thành lập phường Trương Quang Trọng. Thành phố hiện hữu có diện tích tự nhiên hơn 16 nghìn ha, dân số trên 263 nghìn người, có 23 đơn vị hành chính gồm 9 phường và 14 xã.

Cùng với khu kinh tế Dung Quất và nhà máy lọc dầu số 1, Khu công nghiệp VSIP và nhiều cụm công nghiệp khác như Tịnh Phong, Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi xứng đáng với vị thế là một trong những trung tâm công nghiệp - dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, luôn là điểm đến đầu tiên của các nhà đầu tư trong và ngoài nước; đồng thời đóng vai trò hậu phương vững chắc cho các vùng kinh tế lân cận. Tính tới thời điểm này, đã có gần 90 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp Quảng Ngãi; Cơ cấu kinh tế trên địa bàn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; Công tác xây dựng và quy hoạch đô thị phát triển mạnh; Các khu dân cư được sắp xếp lại; Nhiều khu đô thị mới như An Phú Sinh, khu biệt thự..., nhiều công trình hiện đại và đẹp về kiến trúc như Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, trường Đại học Phạm Văn Đồng... vừa góp phần đổi mới diện mạo đô thị, vừa là minh chứng sinh động cho sự phát triển về mọi mặt văn hóa - y tế - giáo dục - an sinh xã hội của thành phố. Tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần đây của thành phố đạt 12,45%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành năm 2014 đạt 89,44%. Đối chiếu với Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, Quảng Ngãi đủ điều kiện để xét nâng lên đô thị loại II trực thuộc tỉnh.



*Ông Lê Viết Chữ - Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phát biểu tại Hội nghị*

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên của Hội đồng nhìn chung đánh giá rất cao Đề án cũng như vị thế của thành phố Quảng Ngãi trong vấn đề an ninh biển đảo và phát triển du lịch. Theo đó, một trong những nguồn thu ngân sách lớn đầy tiềm năng đối với địa phương chính là du lịch, với cảnh quan đẹp của vùng duyên hải, với những điểm dừng chân hấp dẫn như bãi biển Mỹ Khê, đảo Lý Sơn... Do đó, trong tương lai gần, tỉnh và thành phố cần có những chính sách đầu tư cho hạ tầng giao thông, tạo sự kết nối thuận lợi nhằm phát huy tối đa tiềm năng du lịch, tăng thu ngân sách, nâng cao thu nhập cho người dân.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với ý kiến các thành viên Hội đồng về việc thông qua Đề án. Đồng thời, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng cho biết, mặc dù Quảng Ngãi là một trong số ít đô thị phát triển theo lộ trình bài bản, phù hợp với các chương trình quy hoạch phát triển đô thị, nhưng sự phát triển của thành phố Quảng Ngãi chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh và thành phố. Do đó, địa phương cần nhanh chóng xây dựng những chính sách cụ thể nhằm nâng cao một số chỉ tiêu còn thấp so với tiêu chuẩn của đô thị loại II, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng đô thị sau khi được nâng loại. Cần chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội; phát huy việc quản

lý cảnh quan đô thị với những trục xanh, những công trình điểm nhấn mang đậm bản sắc vùng duyên hải Nam Trung bộ, để trong tương lai không xa Quảng Ngãi sẽ trở thành “thành phố năng động, hội nhập và thân thiện” theo đúng tinh thần Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030.

Trân trọng ghi nhận sự quan tâm những góp ý sâu sắc của các thành viên Hội đồng thẩm định, Bí thư, Chủ tịch tỉnh Quảng Ngãi Lê Viết Chữ khẳng định lãnh đạo tỉnh và thành phố sẽ

tiếp tục đẩy mạnh tiến độ các dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, nâng cấp sân bay Chu Lai nhằm phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ. Bên cạnh đó, địa phương sẽ có những chính sách đầu tư thỏa đáng để khắc phục một số tiêu chí còn thấp hoặc chưa đạt so với chuẩn đô thị loại II như tỷ lệ hộ nghèo, mật độ đường giao thông chính trong khu vực nội thị... để Quảng Ngãi có sự nâng cấp về chất thực sự sau khi được nâng loại.

Lệ Minh

## Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý chất thải xây dựng ở Liên bang Nga

Trước tình trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã và đang bị suy giảm, nhu cầu duy trì cân bằng sự phát triển tự nhiên của các quá trình thiên nhiên, việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trở thành những vấn đề đặc biệt cấp thiết. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng nhà và công trình đòi hỏi giảm tối đa sự tác động tiêu cực lên môi trường sinh thái.

Ngày nay, lĩnh vực xây dựng được đặc trưng bởi sự tăng khối lượng không chỉ đối với xây dựng mới mà cả sửa chữa lớn, cải tạo và phá dỡ nhà và công trình cũ đã bị hao mòn vô hình và hữu hình. Tất cả các dạng hoạt động đó đều kèm theo sự hình thành một khối lượng rất lớn chất thải xây dựng (CTXD).

Trong số các hướng nghiên cứu chính nâng cao hiệu quả quản lý chất thải hình thành từ việc xây dựng và phá dỡ nhà có thể nêu ra những hướng cơ bản sau:

- Phát triển các hình thức quan hệ tương hỗ giữa nhà đầu tư tư nhân với nhà nước;
- Xây dựng cơ chế hiệu quả xử lý CTXD;
- Hoàn thiện thị trường sản phẩm xây dựng thứ cấp;
- Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống



*Dây chuyền xử lý chất thải xây dựng rắn thành vật liệu thứ cấp*

vận chuyển đối với dòng CTXD trên cơ sở các chương trình mục tiêu cấp Liên bang, cấp chủ thể và cấp vùng, địa phương.

Việc nâng cao hiệu quả của các quá trình hợp lý hóa quản lý CTXD có thể được thực hiện thông qua thu hút các nhà đầu tư tư nhân. Rõ ràng là việc nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp và công nghệ tiên tiến để sản xuất ra nguyên liệu thứ cấp từ chất thải đòi hỏi vốn đầu tư lớn. Việc giải quyết vấn đề nêu trên có thể được thực hiện trên cơ sở thu hút đầu tư tư nhân tham gia vào lĩnh vực xử lý CTXD và điều đó sẽ giúp giảm gánh nặng cho ngân sách của các vùng, tỉnh và địa phương. Do vậy, sự kết hợp đầy đủ giữa nhà nước và tư nhân trong việc tận dụng nguồn lực từ CTXD là một hướng nghiên cứu có nhiều triển vọng. Kiểu quan hệ

tương hỗ nêu trên được gọi là hình thức đối tác công - tư (PPP).

Hình thức PPP là tổng thể các hình thức quan hệ tương hỗ trung hạn và dài hạn giữa nhà nước và doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề có ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội trong điều kiện các bên đều thu được lợi ích. Hình thức đối tác nêu trên ra đời tại nước Anh nơi đến nay trên 700 dự án đang được triển khai thực hiện. Hình thức PPP đã và đang được áp dụng rất rộng rãi tại nhiều nước thuộc Liên minh châu Âu, Mỹ, Canada và các nước khác.

Một số mô hình cơ bản của hình thức PPP nêu trên đang được áp dụng và mỗi một trong các hình thức đối tác đó lại là một sự kết hợp độc đáo giữa việc cung cấp kinh phí, quan hệ tương hỗ và tổ chức.

Ngày nay, quy mô kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực xử lý CTXD có thể được mở rộng hơn nhiều nhờ hình thức PPP. Mỗi quan hệ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động hiệu quả của các nhà sản xuất lớn thậm chí hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Tổ hợp thiết bị nghiền - phân loại chất thải xây dựng

Sự kết hợp các cơ chế về sự điều tiết của nhà nước và kích thích phát triển kinh tế với sự tăng cường sự tham gia của nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu thứ cấp từ CTXD sẽ đẩy mạnh tốc độ phát triển của lĩnh vực xử lý chất thải (XLCT) của đất nước.

Việc triển khai thực hiện một số biện pháp cơ bản dưới đây sẽ tạo điều kiện cho việc hoàn thiện công tác tổ chức hoạt động xử lý các loại

chất thải nảy sinh từ hoạt động xây dựng:

- Tổ chức các hoạt động trong đó nhà nước trực tiếp cấp kinh phí cho các dự án ưu tiên trong lĩnh vực XLCT;

- Hợp lý hoá hệ thống thuế, tạo điều kiện đẩy mạnh đầu tư của doanh nghiệp tư nhân;

- Thành lập các quỹ riêng chuyên cung cấp vốn cho các dự án XLCT;

- Nhà nước mua sắm các loại máy và thiết bị, công cụ sau đó chuyển giao cho các cty khai thác thuê theo giấy phép;

- Tạo điều kiện cho việc khắc phục tình trạng thiếu vốn quay vòng sản xuất;

- Quản lý hoạt động của các doanh nghiệp XLCT trên cơ sở các nguyên tắc quy hoạch chiến lược;

- Sử dụng một cách hiệu quả vốn khấu hao và lợi nhuận không phân chia;

- Huy động vốn bổ sung sử dụng cho việc trang bị lại về kỹ thuật cho các doanh nghiệp XLCT và các tổ chức sản xuất các loại sản phẩm thứ cấp có khả năng cạnh tranh;

- Việc sử dụng phương pháp “Quản lý dự án” cho phép xây dựng được một hệ thống hoạt động hiệu quả trong việc tổ chức và quản lý trên cơ sở tích hợp các chức năng của tất cả các đối tượng tham gia lĩnh vực XLCT của vùng, gắn kết hoạt động của họ về khối lượng, thời gian và địa điểm;

- Xây dựng cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật ổn định giúp lập lại trật tự của các mối quan hệ tương hỗ của tất cả các chủ thể trong lĩnh vực XLCT với nhau, với các cơ quan nhà nước và với các đối tác nước ngoài.

Để giải quyết thành công vấn đề bảo vệ môi trường, kể cả vấn đề sản xuất các nguyên liệu thứ cấp một cách có lợi về kinh tế, cần thực hiện các yêu cầu mang tính hệ thống sau đây:

- Xây dựng chiến lược dài hạn và ngắn hạn có cơ sở khoa học quy mô liên bang và vùng lãnh thổ phát triển lĩnh vực XLCT xét trên bình diện cấp khu vực và cấp ngành;

- Chuyển đổi hệ thống quản lý CTXD liên

bang và lãnh thổ cho tương xứng với số lượng, quy mô và mức độ phức tạp của các vấn đề và nhiệm vụ được giải quyết trên cấp liên bang và cấp vùng lãnh thổ trong điều kiện của nền kinh tế thị trường;

- Hình thành cơ cấu hợp lý cho các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực thu gom, tận dụng và xử lý CTXD tại các vùng lãnh thổ có tính đến các điều kiện cụ thể tại khu vực. Cơ cấu nêu trên cần phải bao gồm trong thành phần một bộ phận mà nội dung các hoạt động chủ yếu của bộ phận này là dự báo, lập quy hoạch chiến lược, quản lý, xây dựng các quan điểm về tiếp thị và phát triển công nghệ thông tin hiện đại. Việc lập và thực hiện các chiến lược hoạt động của các vùng một cách có cơ sở khoa học sẽ trở nên rõ ràng và kịp thời trong điều kiện có sự tham gia của các bộ phận nêu trên, sẽ cho phép phát huy các tiềm năng của nền kinh tế thị trường.



*Thiết bị xử lý chất thải xây dựng thành đá dăm*

Sử dụng cách phân tích hệ thống là cơ sở cho sự vận hành hiệu quả của quan hệ đối tác Công - Tư. Cách phân tích này bảo đảm đưa ra được các quyết định hợp lý hướng tới sự tiếp tục phát triển của hệ thống bao gồm cả sự hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật trong lĩnh vực XLCT.

Các chương trình mục tiêu cấp liên bang, cấp vùng và cấp địa phương thường được hướng vào việc nghiên cứu các công nghệ mới, vật liệu mới, giải quyết các vấn đề cấp liên bang, cấp vùng và địa phương, nâng cao nhịp độ sản xuất. Thực trạng hiện nay cho thấy sự cần thiết phát triển các chương trình mục tiêu trong lĩnh vực xử lý các loại chất thải nảy sinh từ hoạt động xây dựng do các nhu cầu về sinh thái và kinh tế của các vùng.

Các chương trình mục tiêu nêu trên mang

các đặc điểm như sau:

- Tất cả các chương trình đều phải hướng vào các kết quả cuối cùng;

- Chương trình mục tiêu cần coi đối tượng của sự quản lý như một tổng thể mà không bị phụ thuộc vào đặc tính ngành của các thành phần tạo nên chương trình;

- Với tư cách là một đối tượng thống nhất của sự quản lý, các chương trình mục tiêu nêu trên đều được bảo đảm các nguồn lực tài chính, vật chất và nhân lực cũng như các nguồn lực khác;

- Các chương trình mục tiêu được chia ra các cấp tương ứng xét trong tổ hợp các biện pháp kinh tế của chính phủ và được liên kết với các chương trình khác cùng cấp;

- Chương trình cấp vùng phải kết hợp tất cả các chương trình khác được triển khai thực hiện tại vùng lãnh thổ này vào một hệ thống thống nhất các biện pháp giúp sử dụng một cách hiệu quả nhất các nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu của chương trình;

- Việc quản lý thực hiện chương trình được triển khai thông qua thành lập các cơ quan chuyên biệt hoặc thông qua việc phân bổ lại các quyền hạn và trách nhiệm cho các cơ cấu tổ chức hiện có kể cả thông qua việc sử dụng các hình thức phối hợp.

Ứng dụng cho lĩnh vực xử lý CTXD, các chương trình mục tiêu có thể được hướng vào nội dung khoa học - kỹ thuật, sản xuất hoặc sinh thái kể cả có thể mang quy chế liên ngành, trên cơ sở hợp nhất lĩnh vực xây dựng với lĩnh vực XLCT thành một lĩnh vực kinh tế.

Ngoài chương trình mục tiêu chúng ta cần xây dựng các chiến lược của vùng giúp điều tiết hoạt động xử lý CTXD.

Ví dụ, vấn đề quản lý một cách hiệu quả hoạt động xử lý chất thải sản xuất đã được đưa vào các phương hướng ưu tiên trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Samara đến năm 2020. Chiến lược bao gồm cả việc xoá bỏ tất cả các loại nguồn gây ô nhiễm môi trường sinh thái trong đó có các bãi rác thành lập trái

phép, các bãi chôn lấp chất thải mà không bảo đảm tuân thủ các yêu cầu nêu tại các văn bản pháp quy. Chiến lược còn hướng tới việc tăng khối lượng các loại tài nguyên thứ cấp thông qua thành lập và hoàn thiện các doanh nghiệp XLCT trong các hoạt động vận chuyển và phân loại chất thải.

## Kết luận

Quản lý CTXD là nhiệm vụ có quy mô lớn và phức tạp. Việc giải quyết vấn đề này phụ thuộc và sự gắn kết và hiệu quả của các quan hệ tương hỗ giữa chính quyền liên bang, vùng và

các địa phương với các doanh nghiệp xây dựng và doanh nghiệp XLCT kể cả với các nhà đầu tư. Những hướng nghiên cứu có triển vọng được nêu ở phần trên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTXD và chất thải phá dỡ là một biện pháp quan trọng hướng tới việc đạt được các lợi ích kinh tế và sinh thái.

**A.V. Aleksanin và S.B. Sborshikov**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng (tiếng Nga), số 11/2014*

**ND: Huỳnh Phước**

## Triển vọng ứng dụng xốp cách nhiệt (EPS) trong lĩnh vực cầu đường của Liên bang Nga

Triển vọng ứng dụng xốp cách nhiệt (EPS) tại Nga rất lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng giao thông. Chức năng cơ bản của EPS đối với ngành cầu đường là giảm tải trọng lên nền đường. EPS được thiết kế phù hợp với các thông số về hình học của mỗi đoạn đường, đáp ứng tiêu chuẩn về độ dốc, tải trọng gió và băng tuyết, cao độ theo quy định. Áp dụng công nghệ EPS, các nhà thầu luôn tiết kiệm được chi phí thi công khi địa hình có các khe rãnh cần được nâng lên, hoặc các ụ, đồi cần được ủi bằng, để đảm bảo mức độ bằng phẳng của những con đường được xây. Công nghệ EPS còn mang lại hiệu quả nữa, nhất là đối với các quốc gia vùng hàn đới - nâng tính bền bỉ tuyết của cầu đường.

Xây dựng công trình trên nền đất yếu đã thách thức các kỹ sư cầu đường không ngừng sáng tạo nhằm tìm ra giải pháp tối ưu đối với các vấn đề phức tạp hay sự cố công trình. Nền đất yếu là nền có độ nén lún lớn, lực kháng cắt nhỏ, sức chịu tải nhỏ, hệ số rỗng lớn,... Thi công trên nền đất yếu rất khó đảm bảo các yêu cầu về ngưỡng lún, tính ổn định của công trình, năng lực chịu tải,... Do đó, trước khi thi công, luôn phải có các biện pháp xử lý nền nhằm gia tăng sức chịu tải, cải thiện chỉ tiêu cơ lý của đất nền

để đảm bảo điều kiện khai thác bình thường của công trình. Trong trường hợp này, ứng dụng những vật liệu nhẹ nhằm giảm tải trọng tác động lên nền đất, giảm thiểu khả năng biến dạng phá hoại nền được coi là giải pháp hữu hiệu, ngày càng phổ biến trong xây dựng công trình trên nền đất yếu ở nhiều nước trên thế giới.

EPS là một trong số các loại vật liệu nhẹ, chế tạo từ những hạt polymer có đường kính 0,5 - 1 mm; khi trương nở sẽ có đường kính 3,5 mm; được ép lại thành những khối (block) có kích thước tiêu chuẩn khác nhau, thông thường là 2 x 0,75 x 0,75 m.

Dựa vào ưu điểm là một vật liệu nhẹ nhưng có cường độ cao, EPS được ứng dụng rộng rãi trong các công trình giao thông (đường dẫn lên cầu, đường đắp cao, cầu vượt, ổn định mái dốc, đường trên nền đất yếu...).

Năm 1972, lần đầu tiên xốp cách nhiệt EPS được sử dụng trong xây dựng cầu đường tại Na Uy; tiếp theo là Anh, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, và Mỹ. Tại Nhật Bản, công nghệ EPS cũng khá phổ biến trong ngành cầu đường, bởi vật liệu này có khả năng chịu tải tốt khi xảy ra động đất. Ưu điểm của EPS đã được khẳng định qua thực tế sử dụng tại các quốc gia này.

Có phong khí hậu tương đồng với các nước

Bắc Âu, Liên bang Nga cũng đang bước vào thị trường tiềm năng này. 15 nghìn m<sup>3</sup> block EPS đầu tiên sản xuất trong nước được tung ra thị trường nội địa và cho những kết quả khả quan. Saint Peterburg là nơi dẫn đầu toàn Nga trong việc chế tạo và ứng dụng xốp cách nhiệt ép đùn (XPS). Hiện tại, dự án cầu vượt bằng qua đường sắt Saint Peterburg - Moskva (nơi nền đường được xác định có cao độ tới 10m) được đánh giá là dự án ứng dụng công nghệ EPS có hiệu quả nhất. Công tác thi công được triển khai ngay tại khu vực trước kia là vùng đầm lầy, chính xác hơn là khu vực đất yếu. Dự án có sự tham gia của Tập đoàn quốc gia Dor Service, và đã nhận được sự quan tâm lớn của Chính quyền thành phố.

Tại Nga, tính bền bằng tuyệt của EPS được phát huy tối đa khi vật liệu này được sử dụng vào các điều kiện địa hình khác nhau. Đây là một công nghệ có thể ngăn ngừa sự xuất hiện hoặc tan các hốc băng, hoặc sự trương nở của đất; giúp các nhà thiết kế có các giải pháp thiết kế riêng cho từng công trình, tùy theo điều kiện thủy văn cụ thể tại từng khu vực.

Chi phí cho việc ứng dụng công nghệ EPS tại Nga như thế nào? Theo tính toán của Dor Service, trong một loạt các giải pháp kết cấu không lún thay thế của nền đường - cọc lừng trụ, cọc xi măng cát, cọc khoan nhồi... thì EPS là giải pháp hợp lý hơn cả. Bởi vì ứng dụng cọc dạng lừng trụ với bệ và mũ cọc sẽ khiến giá thành đội lên từ 15 - 20%. Ngoài ra, cần sử dụng các thiết bị nhập ngoại cho công nghệ này, tức là giá thành có thể bị "đội" lên cao hơn nữa, đến 25%.

Trong tương lai không xa, tại các công trình, sự kết hợp của block EPS và bê tông bọt sẽ được ứng dụng chủ yếu tại các khu vực ngập úng. Sức nước sẽ đẩy các bloc nhẹ lên bề mặt, giảm hiệu quả tích cực của vật liệu. Nếu sử dụng bê tông bọt trong lớp dưới cùng vừa đảm bảo tăng độ vững bền và tính an toàn cho toàn bộ kết cấu, vừa có thể tránh để các block nổi



*Các block EPS trên công trường thi công*

lên. Việc gia cố các mái dốc nền đường bằng bê tông bọt sẽ loại trừ được các tác động của tia cực tím lên polymer. Hầu hết các dự án cầu đường hiện đại của Saint Peterburg có ứng dụng vật liệu này không cần hệ cọc móng. Khi đặt các block EPS dưới các móng cầu, sức chịu tải của cầu sẽ tăng, đồng thời nền đường không bị lún. Sự lún sụt của toàn bộ kết cấu trong quá trình thi công tối đa 08 cm. Điều này không chỉ là tính toán về mặt lý thuyết mà đã được kiểm chứng qua thực tế - lãnh đạo Tập đoàn Dor Service cho biết.

Để làm nền đường tại những khu vực đất yếu, các block có chiều cao ít nhất 0,5 m được sử dụng nhiều hơn cả. EPS ứng dụng làm tường chống và các móng cầu. cao 0,6m; rộng 1 m và chiều dài từ 2,5 - 3 m thậm chí 6 m. Khi thi công, EPS được đặt trên những nền cát san phẳng thành các lớp chống lên nhau. Kết quả là một kết cấu toàn khối được hình thành, đảm bảo độ bền vững cả bên trong và bên ngoài khối trước mọi tác động từ bên ngoài.

Đối với đường ô tô, ngoài lớp áo đường truyền thống, để phân bố lực và độ cứng gia tăng cho kết cấu, trên các block EPS sẽ đặt thêm tấm bê tông cốt thép bảo vệ. Lớp xốp cách nhiệt trong trường hợp này sẽ giúp bề mặt đường phẳng hơn.

Một ưu điểm nữa của EPS là tuổi thọ cao. Thời hạn phục vụ của EPS - theo các chuyên gia Na Uy, những người tiên phong ứng dụng vật liệu này vào lĩnh vực cầu đường - có thể lên

tới 30 - 35 năm. Trong điều kiện chịu các tác động liên tục và thường xuyên tiếp xúc với nước, các đặc tính của EPS hầu như không thay đổi.

Có một thực tế - các nhà thiết kế luôn theo phương châm: không thể đánh giá một phương pháp là tốt hay không tốt, chỉ có thể đánh giá về khả năng ứng dụng phương pháp đó vào công trình cụ thể, tại từng vị trí cụ thể. Tại châu Âu, các nguồn tài nguyên đều khan hiếm; trong khi Liên bang Nga lại sở hữu rất nhiều vật liệu khoáng làm nền đường. Các chuyên gia và các nhà khoa học Nga khuyến nghị chỉ ứng dụng EPS tại những khu vực mà vật liệu này có thể giúp tiết kiệm khối lượng đất khi xây dựng nền đường cao, cũng như khi thi công cầu đường tại các khu dân cư đông đúc. Công nghệ EPS thực sự là giải pháp hợp lý cho xây dựng giao thông tại các đô thị trong điều kiện xây dựng chật hẹp.

Để tránh giao cắt, cần xây dựng những tuyến đường đa mức; tức là cần vận chuyển hàng trăm mét khối đất hoặc cát, trong khi kết cấu đường có thể không chịu được trọng tải gia tăng vượt mức. Block EPS là đáp án cho bài toán vừa nêu. Ngoài ra, tính kinh tế của công trình sẽ tăng lên rõ rệt, vì sử dụng loại vật liệu này sẽ đòi hỏi ít thiết bị và nhân công hơn.

Triển vọng ứng dụng EPS được rất nhiều chuyên gia cầu đường Nga ủng hộ khi cho rằng: lựa chọn phương án tối ưu - nếu xét về mặt kinh tế-kỹ thuật - các tiêu chí luôn cần quan tâm là thời hạn cố kết của đất và cường độ của các block EPS, tức là đặc tính ổn định trong suốt quá trình thi công.

Đối với tiêu chí đầu tiên - sự cố kết của đất, theo các chuyên gia: EPS cho phép tính toán độ lún sụt của nền với một kết quả chính xác được phản ánh rõ trên độ bằng phẳng của mặt đường.

Về các rủi ro có thể đối với phần trên của nền đường, liên quan tới cường độ của EPS, qua nghiên cứu các nhà khoa học khẳng định: ngưỡng cường độ uốn tiêu chuẩn từ 172 đến 345 kPa; lực kháng nén khi biến dạng 10% - từ 70 đến 200 kPa cho mọi mức EPS.

Nhìn chung, các tính chất đối với EPS ứng dụng trong cầu đường cần có các chỉ số cao hơn so với EPS làm vật liệu cách nhiệt trong các toà nhà / công trình của xây dựng dân dụng. Việc lựa chọn các mức được xác định bằng sự tính toán cường độ cần thiết, bởi vì vật liệu có giá thành khá cao, phạm vi sử dụng hạn chế. Nếu dùng EPS với mức cường độ cao sẽ đội giá thành công trình, trong khi các đặc tính lý nhiệt của vật liệu cao mà tính bền bằng giá giảm thấp - sẽ không phù hợp đối với một số dự án.

Những ưu điểm của EPS là không thể phủ nhận. Việc ứng dụng EPS cũng đã có những biến chuyển tích cực trên thị trường vật liệu xây dựng cầu đường Nga. Tuy nhiên, còn tồn tại một "nút thắt" mà thực tế sử dụng vật liệu này tại Nga đã cho thấy: các đơn vị thiết kế, đơn vị thầu rất khó thoát khỏi các giải pháp kỹ thuật truyền thống được quy định tại các văn bản pháp quy ban hành từ nhiều năm nay. Có nghĩa là: các nhà xây dựng đang thiếu một công cụ pháp lý cần thiết để ứng dụng công nghệ mới và các vật liệu mới vào thực tế xây dựng và sản xuất trong nước. Sự chung tay của các nhà quản lý là cần thiết để có thể tạo một hành lang pháp lý rộng hơn và những cơ chế tài chính "nới" hơn, để cùng giải bài toán này.

**Oleg Prinhikov**

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga*

*tháng 8/2015*

**ND: Lê Minh**

## Cuộc sống mới của bê tông

Một minh chứng của việc cải tiến công nghệ sản xuất bê tông chính là cường độ ngày càng

được nâng cao của loại vật liệu xây dựng cơ bản này. Viện Nghiên cứu khoa học về bê tông cốt



thép của Liên bang Nga (Viện A.Gvozdev) đã nghiên cứu các chủng loại bê tông siêu bền, tuổi thọ cao, có tính bền bằng giá và tính kháng thấm ở áp suất 20 at-mốt-phe. Đặc biệt, triển vọng ứng dụng các bê tông này trong xây dựng giao thông là rất lớn, nếu xét trên thực tế hiện nay hơn 1/3 tổng chiều dài các tuyến đường ô tô cấp liên bang và các công trình cầu cống cần được sửa chữa do những biến dạng nhanh chóng của vật liệu làm đường. Các nghiên cứu mới đây nhất cho thấy, trong những điều kiện khai thác hiện tại, các lớp phủ mặt đường bằng bê tông xi măng có thời hạn phục vụ dài gấp 1,6 - 2 lần so với bê tông át phan.

Thời gian gần đây, trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nói chung và trong công nghệ sản xuất bê tông nói riêng, nhiều tiến bộ vượt bậc của Liên bang Nga đã được công nhận. Bước chuyển rõ nét của ngành Xây dựng LB Nga bắt đầu 15 năm trước, với sự xuất hiện của các công trình lớn, trong đó có những tổ hợp công trình vô cùng ấn tượng xét theo góc độ kỹ thuật xây dựng và kiến trúc. “Moskva - City” là một ví dụ sinh động. Việc thực hiện những dự án có quy mô tầm cỡ như vậy đều trở nên khả thi nhờ các kết quả nghiên cứu mới của Viện. Dựa vào các nghiên cứu này, trong thời gian ngắn các chuyên gia đã thành công trong việc thiết lập tiêu chuẩn thiết kế và xây dựng những công trình phức hợp lớn, góp phần hiện đại hóa công nghệ sản xuất bê tông và mở rộng phạm vi ứng dụng bê tông cải tiến vào thực tế xây dựng.

Nền tảng của công nghệ sản xuất bê tông cải tiến là các phụ gia mới - các chất biến tính khoáng hữu cơ với những hoạt tính vượt trội có thể thúc đẩy sự hình thành các cấu trúc có cường độ cao và độ đặc chắc tiêu chuẩn trong đá xi măng và bê tông. Cho tới nay, các sản phẩm phụ gia biến tính mới của Viện chưa có đối thủ cạnh tranh trên thế giới.

Để làm cốt cho bê tông cốt thép, Viện đề xuất những loại khung cốt composite phi kim và cốt thép. Đặc điểm tuyệt vời của khung cốt thép

kiểu mới An600C là sự kết hợp giữa cường độ và độ đàn hồi cao, được đảm bảo bởi thành phần hóa học đặc biệt cũng như công nghệ sản xuất.

Việc ứng dụng cốt phi kim đặc biệt hiệu quả đối với tấm panel tường của các công trình công nghiệp trong môi trường xâm thực; đối với các cấu kiện cầu đường trong điều kiện chịu tác động của muối kháng đóng băng; đối với việc gia cố nền đường và lớp phủ đường. Cốt phi kim cũng được ứng dụng rất hiệu quả trong các tấm móng của các tòa nhà văn phòng trong điều kiện chịu tác động xâm thực của nước ngầm. Cốt được sản xuất theo tiêu chuẩn liên quốc gia GOST 31938-2012 do Viện phối hợp với một số đơn vị chức năng khác chủ trì biên soạn. Việc ứng dụng các loại cốt bảo đảm không chỉ nâng cao chất lượng và tuổi thọ cho bê tông cốt thép mà còn giảm giá thành sản phẩm.

Hiện nay, trong xây dựng công nghiệp, xi măng không phụ gia được ứng dụng rộng rãi. Các kết quả nghiên cứu của Viện cho thấy: từ nhiều thành phần trong xi măng nhiều cấu tử có thể chế tạo được bê tông mác tới B55, chỉ số kháng thấm W14. Điều này cho phép mở rộng phạm vi ứng dụng xi măng nhiều cấu tử nhằm bảo đảm tuổi thọ của bê tông trong các sản phẩm và kết cấu xây dựng. Viện cũng có rất nhiều nghiên cứu về xi măng nhiều cấu tử trong bê tông dành cho các công trình quy mô lớn - như các sân vận động ở Moskva, nơi sẽ diễn ra World Cup 2018.

Tại Sân vận động trung tâm Luzhniki, hơn 70 nghìn m<sup>3</sup> bê tông được đổ trong các kết cấu móng của khán đài chính. Việc thi công trực tiếp trên công trường xây dựng các công trình bê tông cốt thép toàn khối khó tránh khỏi các sai sót, tuy mức độ khác nhau. Những sai sót này có thể làm tính bền vững của toàn bộ kết cấu cũng như làm giảm các chỉ số chất lượng của bê tông. Trong dự án cải tạo nâng cấp khán đài lớn sân vận động Luzhniki, để chuẩn bị cho Lễ khai mạc, nhiệm vụ chính của Viện là hỗ trợ về mặt công nghệ thi công. Viện đã tiến hành nghiên cứu và

xác định các ngưỡng cơ bản có khả năng tác động tới chỉ số chất lượng của bê tông trong kết cấu tại tất cả các giai đoạn thi công. Tiếp theo, các chuyên gia của Viện đã xác lập các yêu cầu thiết kế đối với bê tông trong từng kết cấu căn cứ vào khả năng chịu lực theo yêu cầu và các điều kiện khai thác; điều chỉnh và thiết kế các bài phối liệu cho bê tông, tùy vào từng dạng kết cấu và những yêu cầu trong công tác kiểm tra ở từng giai đoạn kỹ thuật cụ thể. Các giai đoạn này gồm kiểm tra đầu vào và đầu ra tại các thiết bị trộn bê tông; kiểm tra đầu vào tại địa điểm thi công, chủ yếu là kiểm tra độ lưu động của vữa bê tông; giám sát quá trình xây dựng kết cấu (đổ bê tông); xác định cường độ thiết kế với việc xác lập cường độ thực tế và tính đồng nhất của bê tông về mặt cường độ; xác định độ thấm thấu thực tế, độ bền băng giá của các thành phần bê tông.

Ở giai đoạn đầu, căn cứ vào loại kết cấu, các chuyên gia của Viện phối hợp với các nhà thiết kế đã xác định các yêu cầu thiết kế như: mác bê tông theo cường độ nén B30; cấp độ kháng thấm W8; độ bền băng giá F1200; Đối với cột, tường dày 200 mm và các vòm mái, chỉ số tương ứng là B40; W12; F1200.

Cường độ của các tấm móng được chuẩn hóa thông qua việc nghiên cứu thành phần bê tông có mức tỏa nhiệt thấp. Cường độ của bê tông tường và cột phù hợp với cường độ của cốt - được các chuyên gia xác định thông qua việc chế tạo vữa bê tông có tính lưu động cao P4 - P5.

Các phương pháp và quy trình kiểm tra trên thực tế hiện trường đã cho phép các chuyên gia đề xuất sửa đổi phiên bản mới của tiêu chuẩn GOST 26633 “Bê tông nặng và bê tông hạt mịn. Các yêu cầu kỹ thuật”. Phiên bản mới này do tổ chuyên gia (trong đó có các chuyên gia của Viện, và các chuyên gia đầu ngành các lĩnh vực khác như năng lượng, giao thông) nghiên cứu biên soạn. Trong tiêu chuẩn, phạm vi áp dụng một số điều khoản được mở rộng; các chỉ số ngưỡng trong thành phần bê tông được bổ sung. Tiêu chuẩn cũng bổ sung thêm nội dung



*Tổ hợp tòa nhà văn phòng Moskva - City tại Moskva (Nga)*

xác định các quan hệ phụ thuộc “độ kháng thấm - cường độ”, “độ bền băng giá - cường độ”. Điều này liên quan tới bê tông mác cường độ B22,5 - B55 trong trường hợp độ kháng thấm và độ bền băng giá đòi hỏi cần được xác định tùy theo mức độ tác động xâm thực của môi trường xung quanh. Việc đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn được thực hiện trước hết tạo điều kiện cho các đơn vị thiết kế tiếp cận những đặc tính của bê tông một cách có hệ thống.

Những kết quả mà Viện thu được trong quá trình nghiên cứu các chất kết dính chuyên dụng trong sản xuất bê tông bù co ngót cũng rất khả quan. Bê tông sử dụng chất kết dính này không có sự biến dạng khi co, do đó tránh được hiện tượng nứt trong quá trình đóng rắn. Điều này đặc biệt ý nghĩa đối với các kết cấu bê tông toàn khối tấm lớn, như đường giao thông, đường băng sân bay, sân vận động. Nhờ các đặc tính về cấu trúc, loại bê tông này hầu như không thấm nước, độ bền băng giá cao và bền vững trước các tác động của môi trường xâm, nhờ đó chi phí khai thác giảm đáng kể.

Một trong những nghiên cứu mới của Viện là bê tông có đặc tính dẫn nhiệt thấp sử dụng cốt liệu thủy tinh. So với các cốt liệu thiêu kết cũng được sử dụng rộng rãi như keramzit, cường độ của hạt thủy tinh cao gấp đôi, trong khi tính dẫn nhiệt và thấm nước thấp hơn từ 30 - 50%. Các chuyên gia của Viện đã nghiên cứu thành công đặc tính cơ lý cải tiến của hạt thủy tinh ở mật độ

thấp để xác định tỷ lệ hợp lý đồng thời cho hiệu quả tối ưu, trước hết trong các bê tông cách nhiệt dùng trong các kết cấu bao che, với khối lượng riêng 500 - 800 kg/m<sup>3</sup>; cường độ B 2,5 - B 0,75.

Bê tông với cốt liệu thủy tinh có khả năng bảo vệ tốt trong những điều kiện sau đây: sử dụng cốt liệu mịn hoặc cát hạn chế; hàm lượng xi măng không thấp hơn mức tối thiểu 250 kg/m<sup>3</sup>, bột rỗng của vữa không lớn hơn 6-8%.

Cho tới nay, những thử nghiệm các đặc tính cơ lý, đặc tính biến dạng của hạt thủy tinh và bê tông với cốt liệu hạt thủy tinh cho kết quả rất tốt; tuy nhiên công nghệ hạt thủy tinh và bê tông cốt liệu thủy tinh hiện nay chưa được ứng dụng trong xây dựng công nghiệp tại LB Nga. Theo các nhà xây dựng Nga, trong tương lai gần, khẩu hiệu "Hãy quay lại với panel một lớp" có thể và cản trở thành hướng đi chủ đạo cho quy trình sản xuất công nghiệp các tường ngoài cách nhiệt tốt từ bê tông với cốt liệu thủy tinh.

Những vấn đề liên quan tới sự phát triển bê

tông và bê tông cốt thép luôn chiếm vị trí trọng tâm trên các diễn đàn xây dựng và trong quan hệ hợp tác quốc tế. Trên thế giới, rất nhiều tổ chức được thành lập và hoạt động hiệu quả, có thể kể đến Liên đoàn bê tông cốt thép quốc tế (FIB), Hiệp hội đường bê tông châu Âu (EUPAVE), Hiệp hội vữa bê tông trộn sẵn châu Âu (ERMCO), Viện Nghiên cứu bê tông Hoa Kỳ (ACR)... Sự phát triển của ngành xây dựng Liên bang Nga những năm tới đây không thể thiếu sự góp mặt của bê tông cốt thép. Hơn nữa, việc bảo đảm nhà ở cho người dân, đồng thời thiết lập môi trường sống an toàn tại các thành phố hiện nay tùy thuộc rất nhiều vào sự phát triển sản xuất loại vật liệu xây dựng cơ bản này.

**A. Davidov**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 25  
(ngày 19/6/2015)*

**ND: Lê Minh**

## **Xử lý, tận dụng tuần hoàn và khai thác công nghiệp hóa đối với chất thải rắn tại Trung Quốc**

### **I. Hiện trạng sản sinh và xử lý chất thải rắn (CTR)**

#### **1. Sự sản sinh của chất thải rắn**

Chất thải rắn căn cứ theo nguồn gốc có thể phân thành chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nông nghiệp. Chất thải rắn sinh hoạt đô thị chủ yếu chỉ chất thải rắn sản sinh trong sinh hoạt thường ngày tại đô thị hoặc trong các hoạt động cung cấp dịch vụ cho cuộc sống thường ngày tại đô thị, tức rác thải sinh hoạt đô thị, chủ yếu bao gồm rác thải sinh hoạt của người dân, rác thải y tế, rác thải kinh doanh, rác thải xây dựng. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội, số lượng chất thải rắn sản sinh vô cùng lớn. Theo dự tính của Bộ Bảo vệ môi trường Trung Quốc, từ năm 2015 đến năm 2020, mỗi năm Trung Quốc sẽ sản sinh 210 triệu tấn rác thải

sinh hoạt đô thị. Mấy năm gần đây, mỗi năm sản sinh khoảng 1,55 đến 2,4 tỷ tấn rác thải xây dựng, chiếm 40% tỷ lệ rác thải đô thị. Dự tính đến năm 2020, lượng rác thải xây dựng sản sinh sẽ đạt mức cao nhất. Năm 2015, chất thải rắn công nghiệp sẽ đạt 3,2 tỷ tấn.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa phát triển nhanh chóng, lượng chất thải rắn sản sinh trong vài năm tới sẽ vẫn tiếp tục gia tăng nhanh từ 10% trở lên, tới năm 2017, lượng chất thải rắn công nghiệp sẽ đạt 5 tỷ tấn. Theo thống kê, lượng rác thải sinh hoạt tại nông thôn mỗi ngày đạt trên 1 triệu tấn, tuy nhiên khu vực nông thôn lại thiếu các cơ sở hạ tầng phục vụ xử lý rác thải, ví dụ như hệ thống đường ống thoát thải..., đa số chất thải rắn chưa qua xử lý, lượng khí Ni tơ, Phốt pho trong chất thải tăng cao, đồng thời vượt quá giới hạn an toàn, trở thành nguồn ô

nhiệm nghiêm trọng.

## **2. Sơ lược tình hình xử lý chất thải rắn tại Trung Quốc**

Phương pháp xử lý chất thải rắn tại Trung Quốc có 3 loại chủ yếu: chôn lấp vệ sinh, chất đốt và thiêu đốt. Rác thải sinh hoạt chủ yếu sử dụng các phương thức như đốt tầng sôi hoặc lò đốt nhiều tầng, xử lý đồng thời bằng lò nung xi măng, chôn lấp vệ sinh..., lượng rác thải thông qua xử lý thiêu đốt chiếm 90% tổng lượng rác thải sinh hoạt, song hành với đó là các vật chất độc hại như tro bay, dioxin... sản sinh trong quá trình thiêu đốt rác thải luôn uy hiếp nghiêm trọng tới sức khỏe con người. Rác thải nhà bếp chủ yếu sử dụng công nghệ lên men kỵ khí để thu được dầu diesel sinh học, tuy nhiên tình trạng dầu thải còn tồn tại với số lượng lớn. Các phế thải nguy hiểm căn cứ theo từng loại khác nhau để có phương thức xử lý khác nhau, chủ yếu sử dụng phương pháp chôn lấp an toàn. Rác thải y tế chủ yếu xử lý bằng phương pháp đốt. Rác thải xây dựng đa phần dùng để bồi lấp hoặc chở ra khu vực bên ngoài để tập kết thành đống, mức độ tận dụng tài nguyên hóa không cao. Các cơ sở thiết bị và năng lực xử lý của các thiết bị không thể đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn với số lượng ngày càng gia tăng, vẫn chưa thể đạt đến yêu cầu về quản lý giảm lượng, vô hại hóa và tài nguyên hóa rác thải.

## **II. Những vấn đề phải đối mặt trong xử lý và tận dụng chất thải rắn tại Trung Quốc**

### **1. Hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất thải rắn không hoàn thiện**

Ngoài rác thải y tế ra thì vẫn chưa xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn xử lý riêng cho các loại rác thải khác. Từ năm 1996, Trung Quốc đã bắt đầu tiến hành phân loại rác thải, tuy nhiên cho tới thời điểm hiện tại, công tác phân loại rác thải trong toàn Trung Quốc vẫn chưa được tiến hành đầy đủ.

### **2. Trình độ kỹ thuật xử lý vô hại hóa chất thải rắn thấp**

Chi phí xử lý rác thải đô thị chủ yếu đến từ Chính phủ, nguồn tiền có hạn do đó chưa có sự đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống về các kỹ thuật xử lý rác thải. Cho tới nay, vẫn chưa xây dựng được hệ thống hỗ trợ kỹ thuật được cấu thành từ các tiêu chuẩn, quy phạm, hướng dẫn... một cách hoàn chỉnh. Vì vậy, các cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn hiện nay tại Trung Quốc vẫn còn tồn tại các vấn đề như quy mô nhỏ, trình độ kỹ thuật chưa cao... và dễ dàng gây ra ô nhiễm thứ cấp. Ví dụ, quá trình đốt rác thải sinh hoạt sẽ sản sinh lượng lớn Methane, CO<sub>2</sub>, các chất hữu cơ dễ bay hơi, dễ dàng hình thành các mối nguy hại tiềm tàng. Tỷ lệ chôn lấp rác thải chiếm tỷ trọng bình quân trong xử lý rác thải khá lớn với 81%, hầu hết các bãi chôn lấp đều không có biện pháp tiếp tục sử dụng hiệu quả sau khi rác đã được lấp đầy, trong khi các biện pháp chống thấm thấu tại các bãi chôn lấp còn chưa được thực thi thỏa đáng, gây ra rò rỉ nước thải từ rác, làm ô nhiễm nguồn nước ngầm, đất đai, hệ thực vật, ảnh hưởng xấu tới động vật và sức khỏe con người, đồng thời chiếm dụng một lượng lớn đất đai.

### **3. Mức tận dụng tài nguyên hóa chất thải rắn không cao**

Mức độ công nghiệp hóa và mức độ tập trung thị trường của ngành xử lý chất thải rắn tại Trung Quốc rất thấp, hiện tại trọng điểm trong xử lý chất thải rắn chỉ chú trọng giảm số lượng chất thải, thiếu coi trọng tận dụng tài nguyên hóa rác thải, thiếu các biện pháp tái chế tài nguyên tương ứng... Các thể chế quản lý hiện hành gây bất lợi cho ngành xử lý chất thải rắn, thêm vào đó, Chính phủ đầu tư tài chính có hạn, tư bản xã hội không chịu đầu tư cũng đã gây bất lợi cho việc tái tận dụng tài nguyên hóa rác thải. Trong khi đó, các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu mỗi năm đều có tỷ lệ tận dụng tổng hợp tài nguyên hóa rác thải xây dựng vượt trên 90%, các nước khác như Nhật Bản, Hàn Quốc... tỷ lệ tận dụng tài nguyên hóa rác thải xây dựng cũng đạt từ 90% trở lên, còn Trung

Quốc thì chưa tới 5%.

#### **4. Các quy định pháp luật có liên quan không liên quan**

Có thể nói, Trung Quốc bước đầu đã xây dựng được cơ chế pháp luật về xử lý chất thải rắn, tuy nhiên, khi so sánh với các nước phát triển, các chế độ pháp luật hiện có còn tồn tại rất nhiều vấn đề như nội dung chưa đầy đủ, hệ thống không hoàn thiện, quá nguyên tắc, sơ sài... Lấy ví dụ là Luật Chất thải rắn hiện hành và các quy định có liên quan được xây dựng khá nguyên tắc, xem nhẹ việc giảm lượng chất thải từ đầu nguồn cũng như tầm quan trọng của việc kiểm soát xả thải, vận chuyển và tận dụng vật chất, gây cản trở tới toàn quá trình xử lý tổng hợp chất thải rắn. Pháp luật hiện hành nhấn mạnh tính ô nhiễm của chất thải rắn và tác dụng của các cơ quan chủ quản Chính quyền các cấp, thiếu coi trọng tính xã hội của chất thải rắn, thiếu các quy định quy phạm về trách nhiệm và hành vi tham gia của quần chúng nhân dân. Ngoài ra, các quy định pháp luật có liên quan đến xử lý chất thải rắn còn thiếu tính hệ thống, sự phân chia thể chế trong Chính phủ khiến các chế độ, quy định giữa các bộ ngành mâu thuẫn với nhau, gây khó khăn trong việc thực thi.

#### **5. Các khu vực xử lý chất thải rắn phát triển không đồng đều**

Cho dù là về mặt nhận thức, các phương diện kỹ thuật phân loại, xử lý chất thải rắn hay về mặt cơ chế làm việc, Trung Quốc luôn ưu tiên các đô thị loại 1 hơn so với các đô thị loại 2, loại 3, ưu tiên đô thị hơn nông thôn.

#### **6. Ý thức bảo vệ môi trường của người dân không cao**

Ý thức của người dân Trung Quốc về bảo vệ môi trường không cao, trình độ nhận thức của người dân về khái niệm thu gom, phân loại còn hạn chế, nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường không đầy đủ, trong khi công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường của các cơ quan có liên quan của Chính phủ

chưa đầy đủ khiến cho việc lý giải về xử lý chất thải rắn của quần chúng nhân dân chưa sâu, thậm chí còn tồn tại những hiểu lầm.

### **III. Những kiến nghị về công tác xử lý, tận dụng tuần hoàn và khai thác công nghiệp hóa đối với chất thải rắn**

#### **1. Tăng cường giáo dục tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường**

Tích cực triển khai tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường và tận dụng tuần hoàn tài nguyên chất thải rắn. Các cơ quan truyền thông cần có tinh thần trách nhiệm xã hội mạnh mẽ, coi nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân là nhiệm vụ quan trọng, tận dụng hiệu quả ưu thế của việc lan truyền rộng rãi, phổ cập các kiến thức khoa học, cung cấp kiến thức bảo vệ môi trường tới quần chúng nhân dân, dẫn dắt người dân quan tâm tới bảo vệ môi trường và thực thi bảo vệ môi trường. Gia đình và cộng đồng đóng vai trò là lực lượng chính trong xã hội cần tăng cường ý thức bảo vệ môi trường của mình, thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, giúp ý thức bảo vệ môi trường được phổ cập tới mọi cá nhân.

#### **2. Tăng cường quản lý tổng hợp, hoàn thiện cơ chế quản lý giám sát**

Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan. Hoàn thiện cơ cấu và cơ chế làm việc, thành lập cơ cấu tổ chức hợp tác liên ngành với sự hợp tác giữa các cơ quan có liên quan trong xử lý chất thải rắn.

#### **3. Đổi mới, nâng cao trình độ kỹ thuật**

Tích cực liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học cũng như học hỏi kinh nghiệm, thành quả kỹ thuật tiên tiến của các nước phát triển để không ngừng đổi mới, nâng cao kỹ thuật xử lý chất thải rắn.

#### **4. Hoàn thiện tiêu chuẩn quản lý chất thải rắn, tối ưu hóa hệ thống tiêu chuẩn**

Đẩy nhanh xây dựng hệ thống tiêu chuẩn xử lý và tận dụng tuần hoàn chất thải rắn một cách thống nhất, quy phạm khoa học, trọng điểm tăng cường các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn

quản lý. Xác định rõ về quy phạm xử lý, tiêu chuẩn sản xuất và tiêu chuẩn dịch vụ, thúc đẩy giảm lượng chất thải rắn từ đầu nguồn và phân loại xử lý chất thải, nâng cao chất lượng dịch vụ xử lý chất thải rắn.

### **5. Đổi mới mô hình đầu tư, tăng hỗ trợ chính sách**

Đưa công nghiệp xử lý chất thải rắn là ngành công nghiệp mang tính chiến lược trong phát triển trọng điểm giai đoạn “5 năm lần thứ 13” tại Trung Quốc, xác định rõ hình thức, trình tự tham gia của xã hội. Đưa ra các cơ chế quản lý giám sát, bao gồm điều lệ thưởng phạt, nêu cao phân công hợp tác, đảm bảo cho việc thực thi xử lý chất thải rắn được thực hiện hiệu quả. Thông qua các biện pháp khích lệ như chính

sách đầu tư, cung cấp đất đai, hướng dẫn giá cả... để đẩy mạnh phát triển xử lý và tận dụng tuần hoàn chất thải rắn.

### **6. Phát triển các khu kinh tế công nghiệp tuần hoàn, tăng đầu tư các nguồn lực**

Quy mô công nghiệp của ngành xử lý chất thải rắn Trung Quốc ngày càng gia tăng, dự tính tới năm 2020, xử lý chất thải rắn sẽ có quy mô đầu tư 681,4 tỷ NDT, chiếm 30% tổng vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, tỷ lệ này sẽ tiếp tục được nâng cao tới khoảng 50%.

**Trần Hoa Nguyên**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn,  
số 5/2015*

**ND: Kim Nhạn**

## **Trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho lãnh đạo VOV, Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 09/9/2015 nhân kỷ niệm 70 năm Thành lập VOV, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho nhà báo Nguyễn Đăng Tiến - Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), nhà báo Nguyễn Đức Lợi - Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, nhà báo Nguyễn Hoài Dương - Phó Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam. Dự buổi lễ còn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng khẳng định vai trò quan trọng của Báo chí Cách mạng Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong thời kỳ đổi mới hiện nay, đồng thời nhấn mạnh sự ủng hộ của Báo chí cách mạng Việt Nam, trong đó có Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam là cơ sở quan trọng để ngành Xây dựng phát triển bền vững.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đến khi cả nước bước vào công cuộc Đổi mới, báo chí cách mạng luôn đồng hành cùng ngành xây dựng, vừa truyền tải chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng đến người dân, doanh nghiệp, xã hội, vừa phản ánh chân thực nguyện vọng, ý chí của người dân, góp phần xây dựng ngành xây dựng ngày càng phát triển hơn.

“Việc trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam thể hiện sự trân trọng và ghi nhận công lao đóng góp, sự hỗ trợ, ủng hộ của VOV, Thông tấn xã Việt Nam và cá nhân các vị lãnh đạo trong những năm qua đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Xây dựng Việt Nam” - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu.



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho nhà báo Nguyễn Đăng Tiến - Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam*

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đánh giá Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam đã góp phần quan trọng trong công tác phổ biến, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến ngành Xây dựng, giúp các địa phương, các cơ quan, tổ chức và người dân hiểu cả nước đánh giá đúng, đồng tình với chủ trương, hoạt động của ngành Xây dựng.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng chúc mừng các nhà báo được Bộ Xây dựng tri ân, trao tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày càng mạnh khỏe, tràn đầy nhiệt huyết, vững vàng bản lĩnh và có những phương pháp tốt hơn nữa trong hoạt động tuyên truyền góp phần phát triển bền vững ngành Xây dựng cũng như sự phát triển mạnh mẽ của đất nước Việt Nam.

Cùng với việc trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho lãnh đạo VOV, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cũng trao tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho nhà báo Vũ Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc VOV, nhà báo Nguyễn Thành Chung - Phó Giám đốc truyền hình Quốc hội Việt Nam (thuộc VOV), nhà báo



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho nhà báo Nguyễn Hoài Dương - Phó Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam*

Hoàng Thị Hà (VOV) phụ trách theo dõi, đưa tin ngành Xây dựng, tập thể Thông tấn xã Việt Nam, Ban Kinh tế của Thông tấn xã Việt Nam, nhà báo Nguyễn Thu Hằng (Thông tấn xã) phụ

trách theo dõi, đưa tin ngành Xây dựng.

Tại buổi lễ, Giám đốc VOV Nguyễn Đăng Tiến bày tỏ sự xúc động khi nhận được phần thưởng cao quý nhất của Bộ Xây dựng. Thay mặt cho các cá nhân, tập thể vinh dự được Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng, Bằng khen, nhà báo Nguyễn Đăng Tiến – Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam cảm ơn Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã trao tặng phần thưởng cao quý của ngành Xây dựng, đồng thời khẳng định mỗi bước đi của ngành Xây dựng đều được Báo chí cách mạng nói chung cũng như Đài Tiếng nói Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam theo sát, đồng viên và chung tay góp sức vì sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

**Trần Đình Hà - Mai Anh**

## **Hội thảo Tăng cường sản xuất và sử dụng hiệu quả vật liệu xây không nung**

Ngày 10/9/2015 tại Hà Nội, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam phối hợp với Sở Xây dựng Hà Nội tổ chức hội thảo Tăng cường sản xuất và sử dụng hiệu quả vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng. Dự hội thảo có đại diện lãnh đạo Vụ Vật liệu xây dựng (VLXD) thuộc Bộ Xây dựng, lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nội, đại diện Viện VLXD, Viện KHCN Xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Kiến trúc quốc gia và lãnh đạo một số doanh nghiệp sản xuất VLXD không nung trong nước, quốc tế.

Phát biểu tại hội thảo, ông Trần Việt Trung Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội cho biết: Hội thảo được tổ chức nhằm mục đích rà soát kết quả thực hiện Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 14/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tăng cường sử dụng vật liệu



*Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng Phạm Văn Bắc phát biểu tại Hội thảo*

xây không nung, hạn chế sản xuất, sử dụng gạch sét nung, Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng về việc Sử dụng vật liệu xây không nung... trên địa bàn Hà Nội. Bên cạnh đó, hội thảo còn tạo cơ hội để các doanh nghiệp sản xuất VLXD không nung kiến nghị tới cơ quan quản lý các cấp của TP Hà Nội, Bộ Xây dựng những đề xuất, giải pháp tăng cường sản xuất và sử dụng hiệu quả VLXD





Toàn cảnh Hội thảo

không nung trong các công trình xây dựng”.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 về việc Phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020, UBND TP Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đốc thúc UBND các quận, huyện, thị xã và các Sở, ngành liên quan triển khai, phối hợp thực hiện chủ trương chỉ đạo của Thủ tướng.

Ngày 29/9/2011, UBND TP Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4524/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển VLXD TP Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch 39 nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất mỗi nhà máy từ 20 - 40 triệu viên/năm để đến năm 2020 đạt khoảng 1,1 tỷ viên/năm, đồng thời xây dựng lộ trình đến giai đoạn 2016 - 2020 không đầu tư mới sản xuất gạch sét nung. Đến nay, Sở Xây dựng Hà Nội đã phổ biến và hướng dẫn UBND các huyện triển khai theo đúng lộ trình về sản xuất gạch nung trong Quy hoạch đã được UBND TP Hà Nội phê duyệt.

Đến nay, vật liệu xây không nung đã được sử dụng trong một số công trình trường học, nhà ở, nhà thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn TP Hà Nội. Tuy nhiên, thực tế chỉ có một số vật liệu xây không nung loại nặng (gạch xi măng cốt liệu đá mặt) được đưa vào sử dụng, trong khi các loại vật liệu xây không nung loại nhẹ chưa được quan tâm sử dụng, thậm chí một số doanh nghiệp còn cân nhắc khi sử dụng vật liệu xây

không nung trong các công trình cao cấp.

Theo ông Trung hiện nay trên địa bàn Hà Nội còn nhiều khó khăn trong việc sử dụng VLXD không nung, đặc biệt là đối với khu vực nông thôn thuộc các huyện do việc sản xuất gạch đất sét nung đã có từ hàng nghìn năm trước, trở thành nghề truyền thống tạo công ăn việc làm và thu nhập chính cho không ít gia đình. Bên cạnh đó, việc sử dụng vật liệu xây không nung để thay thế gạch, ngói nung truyền thống chưa được các chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị thiết kế chú trọng áp dụng...

Nêu lên những khó khăn đó, ông Trung cũng đề xuất với Bộ Xây dựng cần tiếp tục hoàn chỉnh, ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, kỹ thuật thi công, các định mức, đơn giá liên quan đến việc sản xuất và sử dụng các chủng loại VLXD không nung để có cơ sở áp dụng đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thiết kế, chủ đầu tư cũng như nhà thầu trong việc đưa các loại sản phẩm này vào công trình.

Ông Trung cũng kiến nghị Bộ Xây dựng cần có những đánh giá cụ thể sự phù hợp của các loại VLXD không nung trong điều kiện khí hậu Việt Nam, đặc biệt là kiểu khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, độ ẩm cao ở khu vực miền Bắc, đồng thời có đánh giá sự ảnh hưởng đến chất lượng công trình sử dụng VLXD không nung đang trong quá trình thi công thì gặp mưa, ngập lũ...

Đánh giá cao những nỗ lực của UBND TP Hà Nội trong việc xóa bỏ lò gạch thủ công, ông Phạm Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD (Bộ Xây dựng) đề nghị Sở Xây dựng Hà Nội cần phải làm tốt hơn nữa vai trò tham mưu cho lãnh đạo UBND thành phố trong việc ban hành các chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất, sử dụng hiệu quả VLXD không nung trên địa bàn, triển khai có hiệu quả chủ trương chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng.

**Trần Đình Hà**

## Hội thảo “Công nghệ xử lý bùn - Thu hồi năng lượng”

Ngày 15/9/2015, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Trường Đại học Xây dựng và Tập đoàn quốc tế Veolia tổ chức chương trình Hội thảo “Công nghệ xử lý bùn - Thu hồi năng lượng”. Hội thảo được tổ chức với mục đích chia sẻ thông tin, kinh nghiệm mới nhất về công nghệ, kỹ thuật xử lý bùn thải, thu hồi năng lượng của Việt Nam, của Tập đoàn Veolia và các nước trên thế giới.

Tham dự Hội thảo có các đại biểu thuộc các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các Bộ, ban, ngành có liên quan, các đại diện của Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Trường Đại học Xây dựng, đại diện của các Hội, Hiệp hội chuyên ngành có liên quan, đại diện đến từ các Viện nghiên cứu, Ngân hàng phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới, các thành viên trong Tập đoàn quốc tế Veolia và đông đảo các nhà tài trợ, các công ty tư vấn, các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, kỹ thuật hạ tầng và môi trường.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng cho biết: Trong những năm qua, với chính sách đổi mới, hội nhập và sự phát triển nhanh của nền kinh tế đất nước, hệ thống đô thị Việt Nam đã phát triển nhanh chóng cả về quy mô và số lượng, chất lượng sống của người dân đô thị từng bước được cải thiện. Hầu hết các đô thị đã có mạng lưới thu gom nước mưa và nước thải, một số đô thị có nhà máy xử lý nước thải. Theo thống kê, có khoảng trên 80% hộ gia đình có các công trình vệ sinh và bể tự hoại. Việc thu gom bùn thải từ mạng lưới thoát nước và thông hút từ bể tự hoại đã được triển khai tại nhiều đô thị. Khối lượng bùn thải phát sinh từ mạng lưới thoát nước được nạo vét, thu gom và vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải. Bùn thải của nhà máy nước thải hiện nhiều nơi xử lý theo công nghệ ủ hiếu khí để chế biến thành phân hữu cơ. Bùn thải từ bể



*PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, BXD phát biểu khai mạc*

tự hoại được thu gom bằng xe chuyên dụng để chuyển tới nơi xử lý và xử lý bằng phương pháp sinh học hiếu khí tự nhiên và sản phẩm có thể làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ hoặc đổ thẳng ra bãi chôn lấp hoặc đổ thẳng ra hồ ao, sông ngòi không những đã làm ô nhiễm môi trường mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người dân.

Bùn thải giống như chất thải rắn có khả năng tận dụng hoặc tái chế thành sản phẩm có giá trị kinh tế. Mặc dù đã có quy định quản lý song vẫn khó có thể thực hiện. Việc lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kỹ thuật và kinh tế của hệ thống thoát nước vẫn còn nhiều khó khăn. Bùn thải phải được coi là nguồn tài nguyên vì vậy cần nghiên cứu các công nghệ tiên tiến để xử lý, tái chế và tạo ra các sản phẩm có ích là cần thiết.

Trước thực trạng bùn thải và xử lý bùn thải tại Việt Nam, ông Mark Elliot - Giám đốc Tập đoàn Veolia Châu Á đã giới thiệu tới Hội thảo về Tập đoàn và các hoạt động trong lĩnh vực xử lý nước, nước thải và bùn của mình. Theo đó, Veolia là Tập đoàn đã có 160 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế và triển khai các giải pháp xử lý nước, chất thải và sản xuất năng lượng cho nền kinh tế tuần hoàn với mục



*Ông Mark Elliot - Giám đốc Tập đoàn Veolia Châu Á giới thiệu về các công nghệ xử lý nước, nước thải và bùn của Tập đoàn*

tiêu nâng cao hiệu quả cho các thành phố, lĩnh vực công nghiệp và tất cả người dân. Nước là lĩnh vực hoạt động lớn nhất của Veolia. Nhiều năm cống hiến để phát triển và cải thiện danh mục công nghệ rộng lớn và đa dạng trong lĩnh vực liên quan đến nước đã giúp Veolia trở thành công ty hàng đầu trên thế giới về xử lý nước và nước thải. Về xử lý nước thải và xử lý bùn, Veolia đã thay đổi cách suy nghĩ về quy trình xử lý khi trước đây chỉ chú trọng xử lý nước thải và giảm thiểu bùn thải thì hiện tại và tương lai quy trình xử lý với tiêu chuẩn cao hơn sẽ giúp tái sử dụng nước thải, tối đa hóa quá trình sản xuất bùn, thu hồi được tài nguyên bền vững có thể tái sinh là năng lượng, phân bón, chất dinh dưỡng, nhựa. Nước thải và bùn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, đồng thời bùn và quy trình phân hủy hiếu khí là những nhân tố chủ yếu trong quá trình sản xuất năng lượng. So với quy trình xử lý nước thải truyền thống, nhà máy xử lý nước thải được thiết kế để thu hồi năng lượng sẽ có tổng khối lượng bùn cao hơn 50%, khả năng sản xuất khí sinh học cao hơn 60 - 70% và lượng bánh bùn thải ra cuối cùng thấp hơn 25 - 30% sau khi phân hủy.

Ông Xiaohua Chen - Giám đốc kỹ thuật Veolia Châu Á cũng cho biết: Chúng ta thường chỉ chú trọng đến việc xử lý nước thải mà không quan tâm đến việc xử lý bùn, nguy cơ các chất ô nhiễm sẽ được chuyển từ nước thải sang bùn,



*Toàn cảnh Hội thảo*

trong khi việc chôn lấp bùn ngày càng không được đồng thuận. Thêm vào đó, việc xử lý bùn đòi hỏi một tiêu chuẩn xử lý nghiêm ngặt, chi phí xử lý cao, chi phí nhân công cao. Trước những khó khăn này, công nghệ xử lý bùn cần phải được nâng cao hơn nữa. Bùn thải cần được giảm thể tích thông qua cô đặc, khử nước, sấy khô sau đó có thể tiến hành đốt bùn. Thu hồi các chất có giá trị nông nghiệp từ những bánh bùn sẽ giúp tạo ra nguồn phân bón rất có giá trị. Chất thải sau quá trình phân hủy bùn cũng có nhiều giá trị vì chứa hàm lượng lớn các chất có giá trị nông nghiệp.

Về công nghệ xử lý bùn, ngoài phân hủy bùn hiếu khí, dựa trên nguyên tắc phân hủy kỵ khí, quá trình đồng phân hủy bùn thải và thực phẩm thừa sẽ giúp các nhà máy xử lý nước thải tận dụng các trang thiết bị và sản xuất thêm những sản phẩm có giá trị như phân bón và khí sinh học; Tiền xử lý bằng quy trình nhiệt thủy phân giúp khử khuẩn bùn, tăng lượng khí sinh học thu được, giảm thể tích bùn và sản sinh thêm nhiều năng lượng lớn.

PGS.TS. Nguyễn Việt Anh - Viện trưởng Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường, Trường Đại học Xây dựng cho biết, trước quá trình đô thị hóa và sự gia tăng dân số, lượng chất thải phát sinh ra ngày càng nhiều, bùn thải phát sinh từ các nhà máy xử lý nước thải, các bể tự hoại cả các hộ gia đình cũng sản sinh ra lượng lớn bùn. Bùn thải từ hệ thống thoát nước và đặc biệt từ các nhà máy xử lý nước thải có những

thành phần hữu cơ rất lớn và có thành phần dinh dưỡng rất cao có thể tận dụng làm các nguồn phân bón có giá trị. Hiện nay chúng ta có hơn 20 nhà máy xử lý nước thải sử dụng các công nghệ khác nhau và đang hoạt động tại các đô thị. Trong thời gian tới sẽ có thêm nhiều các nhà máy xử lý nước thải nữa. Các công nghệ như bùn hoạt tính, hồ sinh học, hệ thống kênh oxy hóa tuần hoàn... đều phát sinh ra bùn. Nếu bùn được xử lý bài bản thì chi phí để xử lý bùn chiếm 30-50% chi phí xây dựng vận hành nhà máy xử lý nước thải. Bùn thải cần được ổn định trước khi tiến hành vận chuyển hoặc biến chúng thành các nguồn tài nguyên có ích. Có rất nhiều phương pháp xử lý bùn như tách nước, làm khô, sấy, đốt... hay khí hóa, nhiệt phân, tuy nhiên khả thi và tiềm năng nhất hiện nay vẫn là phương pháp xử lý kỵ khí.

Đánh giá về tài chính trong dự án thu hồi năng lượng từ bùn thải, ông Mark Elliot cho biết thêm, quá trình xử lý bùn thu hồi năng lượng có

chi phí năng lượng cho khử nước ít hơn, hóa chất sử dụng cho quá trình khử nước ít hơn, chi phí vận chuyển bùn thải ít hơn, chi phí bùn thải ít hơn. Nước thải sau quá trình phân hủy quay ngược về nhà máy xử lý nước thải làm tăng tải lượng ammonia cần xử lý của nhà máy giúp năng lượng tiêu hao cho nhà máy tăng lên vì có quá trình phân hủy bùn.

Tại Hội thảo, các đại biểu cũng đã tiến hành thảo luận sôi nổi về các vấn đề liên quan tới bùn thải và xử lý bùn thải. Tất cả các thông tin được chia sẻ đã đóng góp cho Bộ Xây dựng, chính quyền các đô thị, các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu, tư vấn chuyên môn trong định hướng quy hoạch, xây dựng dự án, đánh giá tính khả thi về công nghệ và mô hình tổ chức, quản lý bùn cặn từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

**Kim Nhạn**

## **Phát triển nhà ở xã hội - một trong những động lực phát triển kinh tế của Pháp**

Từ giữa năm 2013, Chính phủ nước Cộng hòa Pháp đã quyết định giảm 5% thuế VAT đối với các dự án xây dựng và cải tạo nhà ở xã hội, đây là một tiền đề quan trọng giúp cho các công ty và doanh nghiệp xây dựng gia tăng lợi nhuận khi tham gia phát triển nhà ở xã hội.

Năm 2007, cuộc khủng hoảng thị trường nhà ở thế chấp của Mỹ đã mở đầu cho giai đoạn suy thoái kinh tế. Nhiều quốc gia ở châu Âu đã nhanh chóng tìm giải pháp cho các vấn đề tài chính trong nước; một số nước “dọa” rút ra khỏi khối các nước dùng đồng tiền chung châu Âu nhằm xin tài trợ của Ủy ban châu Âu; một số quốc gia khác ban hành các chính sách thắt chặt chi tiêu. Nhóm thứ ba nỗ lực tìm biện pháp khắc phục, một trong những quốc gia tích cực nhất thuộc nhóm này là Pháp. Nhà kinh tế

học nổi tiếng người Anh John Meinard Keim cho rằng: ngành Xây dựng là một trong những động lực chính của nền kinh tế Pháp khi sở hữu những chỉ số hiệu quả rất ấn tượng. Điều này thể hiện sự tăng trưởng của ngành sẽ kéo theo sự tăng trưởng của nhiều ngành kinh tế khác. Không phải ngẫu nhiên khi khủng hoảng đang ở đỉnh điểm, tốc độ xây dựng nhà ở xã hội tại Pháp không hề suy giảm mà ngược lại gia tăng đáng kể. Năm 2010 đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc trong vòng 03 thập kỷ trở lại đây - 131.509 đơn vị nhà ở xã hội được đưa vào sử dụng. Điều đáng chú ý là các nhà xây dựng Pháp không tính diện tích mà là “đơn vị nhà ở” để thể hiện vấn đề cả xã hội Pháp quan tâm - có bao nhiêu hộ gia đình có thể được nhà nước hỗ trợ về nhà ở mỗi năm. Theo các số liệu

thống kê, ước tính có khoảng 100 nghìn đơn vị nhà xã hội được xây mới và đưa vào sử dụng tại Pháp mỗi năm.

Ngoài giải pháp đối với những vấn đề quan trọng hàng đầu của xã hội, việc đầu tư cho phát triển nhà ở xã hội cho thấy sự ủng hộ mạnh mẽ của Nhà nước đối với ngành Xây dựng, cũng như những tác động tích cực của ngành Xây dựng đối với các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân.

Đạo luật đầu tiên liên quan tới chương trình “Nhà ở cho thuê dành cho người thu nhập thấp” (Habitations a loyer modere - HLM) của Pháp được thông qua năm 1949. Luật này đặc biệt nhấn mạnh quyền có nhà ở với mức giá hợp lý của mọi công dân. Tất nhiên, khái niệm “mức giá hợp lý” cần được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau. Thời kỳ đó, quanh các thành phố lớn của Pháp đã hình thành các khu nhà ở chuốt của những người di cư từ các quốc gia châu Phi. Khi hệ thống thuộc địa của Pháp sụp đổ, người dân các quốc gia này đã ồ ạt di cư tới Pháp - điều này làm phức tạp thêm tình hình nhà ở của nước sở tại.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề xã hội này, Chính phủ Pháp quyết định triển khai xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi cả nước. Năm 1953, Chính phủ thông qua việc thu thuế 1% từ quỹ lương của các công ty, doanh nghiệp có từ 10 nhân viên trở lên. Một phần trăm này trở thành điểm tựa vững chắc để phát triển “nhà ở cho thuê với mức giá bình dân”. Tên gọi này là hoàn toàn phù hợp với mục đích thu thuế, bởi chương trình HLM trên thực tế đã đưa ra những sản phẩm - căn hộ có giá thuê thấp hơn 60% so với giá thị trường lúc bấy giờ. Song điều quan trọng nhất - sau một thời gian lưu trú, những căn hộ như vậy có thể trở thành tài sản riêng của người đi thuê. Đạo luật về vấn đề này được Chính phủ Pháp thông qua năm 1965.

Giai đoạn mới trong sự phát triển hệ thống nhà ở xã hội Pháp bắt đầu từ năm 1977. Tiền thuê nhà được xét dựa trên khoản thu nhập của

từng hộ gia đình; và ước mơ biến ngôi nhà / căn hộ thành tài sản riêng sẽ được khuyến khích bởi các khoản trợ cấp đặc biệt của xã hội. Từ năm 1992 (thời gian này, Pháp đang tiến hành cải cách phi tập trung), các thành phố và làng xã cần tự lập quy hoạch - kế hoạch để phát triển nhà ở xã hội, đây là nghĩa vụ bắt buộc, và Chính phủ có những quy định về chế tài chặt chẽ đối với cho các chủ thể.

Sau khi ban hành một loạt sắc lệnh vào năm 1992, Chính phủ Pháp đã công bố các quy định mới trong chính sách nhà ở. Để đảm bảo nguồn vốn cho việc phát triển nhà ở xã hội, Chính phủ Pháp cho phép áp dụng các chương trình bảo hiểm tiết kiệm. Tiền tiết kiệm trong dân trên thực tế đã được huy động và hỗ trợ rất nhiều cho việc xây dựng nhà ở cho chính những người dân đó. Một quỹ đặc biệt được thành lập để trợ giúp những người lao động có mức thu nhập thấp nhất trong xã hội. Bên cạnh đó, các chính sách thuế cũng là những công cụ đắc lực trong phát triển nhà ở xã hội của Pháp.

Từ đầu thế kỷ XXI, xu hướng mới - xóa bỏ sự phân biệt các khu vực giàu nghèo - bắt đầu nhen nhóm và phát triển mạnh mẽ ngay sau đó. Tháng 8/2003, một sắc lệnh của Chính phủ được ban hành, trong đó không chỉ nhấn mạnh kế hoạch xây mới nhà ở xã hội trong 05 năm tiếp theo, mà còn đề ra kế hoạch cải tạo hoặc phá dỡ hoàn toàn các căn nhà cũ nát.

Tháng 10/2005, một đề xuất có ý nghĩa quan trọng của Chính phủ Pháp bắt đầu có hiệu lực về mặt pháp lý - giảm trừ thuế đối với việc sở hữu nhà ở mới tại những khu vực đang trong quá trình cải tạo. Biện pháp này rất thiết thực để một số khu vực không bị biến thành các điểm quần cư của những hộ gia đình di cư trước đây. Luật đã xem xét việc đơn giản hóa các thủ tục xin cấp phép cải tạo ô phố có các nhà ở xã hội; mở rộng quyền của các thành phố, làng xã, các chủ thể trên phạm vi cả nước xét theo nhu cầu về xây dựng nhà ở xã hội. Như vậy, luật đồng thời giải quyết 03 nhiệm vụ: cải thiện điều kiện

ở; bảo đảm “đa dạng hóa xã hội” và kích thích ngành Xây dựng trong nước phát triển. Tổng thống đương nhiệm của Pháp thời bấy giờ - ông Jacques Chirac - đã đề cao phương châm của việc phát triển xây dựng nhà ở xã hội là “lời khẳng định những nỗ lực của quốc gia trong vấn đề bảo đảm nhà ở cho các công dân của mình”. Quyết tâm giải quyết vấn đề nhà ở xã hội còn là kết quả hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là các hiệp hội chuyên ngành. Từ năm 2008, người nghèo của Pháp có quyền nhờ tòa án can thiệp trong trường hợp Nhà nước không cho họ cơ hội tìm được nhà ở xã hội.

Không nên cho rằng nhà ở xã hội đơn giản là “của trời cho”. Trong những năm gần đây, việc thanh tra, giám sát thu nhập ở Pháp khá nghiêm ngặt. Nếu thu nhập của hộ gia đình tăng lên cận mức thoát nghèo (theo quy định tại Pháp, thu nhập dưới 900 euro/tháng được coi là nghèo), người thuê có khả năng phải dời khỏi căn hộ đang thuê và tìm chỗ ở mới theo thời giá thị trường; hoặc chi trả thêm cho việc sử dụng căn hộ đó với một mức giá tương đương giá thị trường. Như vậy có thể thấy: chính sách xây dựng nhà ở xã hội cần kèm theo việc tính toán mọi khoản thu nhập của hộ gia đình, xác minh các khoản thu nhập bất hợp pháp, và tạo động lực khuyến khích việc biến căn nhà xã hội này thành tài sản riêng. Tuy nhiên, tất cả những bước đi - cho dù là đúng đắn nhất - vẫn cần sự hiệu chỉnh, điều tiết thường xuyên của Nhà nước để những tiêu cực không có điều kiện phát sinh.

Tháng 3/2009, Chính phủ Pháp thông qua việc 1% trích từ quỹ lương có thể được sử dụng không chỉ cho việc xây mới mà cả sửa chữa và cải tạo nhà ở xã hội. Tới năm 2010, một vấn đề mới khá bức thiết xuất hiện: nhiều chủ thể trong nước đã trốn tránh nghĩa vụ cần dành ít nhất 20% quỹ đất xây dựng cho việc phát triển nhà ở xã hội. Có 426 “kẻ trốn tránh” như vậy - theo thống kê của Pháp cuối năm 2010 - và phải chịu mức phạt không hề nhỏ.

Năm 2012, những số liệu mới về nhà ở xã

hội giai đoạn tới năm 2016 được đề ra. Để đạt được mục tiêu này, hơn 2 nghìn ha đất công được dự trữ dành cho việc xây dựng 930 cụm dân cư mới. Và tháng 3/2013, Tổng thống Pháp đã công bố chương trình kế hoạch đầu tư xây nhà ở của Chính phủ, theo đó sẽ xây dựng mới ít nhất 500 nghìn căn hộ/ nhà ở hàng năm, trong số đó 150 nghìn căn thuộc phân khúc nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, 500 nghìn căn hộ/nhà ở có sẵn cần được cải tạo mỗi năm theo hướng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả (trong số này có 120 nghìn căn nhà ở xã hội).

Như vậy, chương trình HLM của Pháp là một yếu tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của đất nước, nếu nhìn vào bức tranh tổng thể. Tuy nhiên, xét trên một khía cạnh khác, bức tranh đó chưa thể gọi là hoàn hảo, vì các nhà kinh tế học kỳ vọng sự tác động mạnh mẽ hơn của ngành Xây dựng đối với nền kinh tế đất nước. Chỉ số hiệu quả là 1,23; trong khi các nhà kinh tế học của Pháp và quốc tế kỳ vọng con số hiển thị lớn gấp 2 - 3 lần.

Pháp là đất nước không giàu tài nguyên khoáng sản, thậm chí sau Thế chiến II còn được coi là một trong những quốc gia châu Âu mấp mé ngưỡng nghèo đói. Một trong những bí quyết thành công và phát triển bền vững của quốc gia này vài thập kỷ qua là: khi tích cực hỗ trợ các công dân của mình duy trì các thiết chế xã hội nhất định, Nhà nước đã đảm bảo một cách vững chắc những nhu cầu nội tại và thường trực của quốc gia. Nhà ở là một khoản chi phí lớn và chủ yếu nhất trong suốt cuộc đời của mỗi công dân. Chính vì nắm bắt tốt bí quyết này, các chương trình xây dựng nhà ở xã hội quy mô lớn có thể coi là cốt lõi của nền kinh tế Pháp hiện nay mà không bị chi phối bởi tác động của bất cứ cuộc khủng hoảng kinh tế nào.

**Vera Medvedeva**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 24  
(ngày 12/6/2015)*

**ND: Lê Minh**

## **Tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc) hoàn thiện công tác quản lý nhà ở cho thuê**

Tính đến ngày 25/10/2014, tỉnh Thiểm Tây đã khởi công xây dựng 1.915.000 căn nhà ở xã hội của tỉnh, hoàn thành xây dựng 910.000 căn, phân phối và đưa vào sử dụng là 804.700 căn, tỷ lệ sử dụng đạt tới 88,43%, hoàn thành kế hoạch năm 2014 trước 2 tháng.

### **1. Nắm bắt toàn diện, xây dựng cơ chế xếp lượt**

Tỉnh Thiểm Tây đã tiến hành khảo sát tổng thể về tình trạng nhà ở đối của những hộ có thu nhập vừa và thấp, người lao động từ nơi khác chuyển đến và những người mới có việc làm, thông qua tuyên truyền rộng rãi chính sách nhà ở, kết hợp giữa cá nhân đăng ký trực tiếp và công tác điều tra của nhân viên điều tra, thực hiện nghiêm túc việc thu thập thông tin về nhân khẩu, thu nhập, nhà ở của các hộ, từ đó thiết lập cơ sở dữ liệu hồ sơ nhà ở. Căn cứ số liệu dự báo tỷ lệ đô thị hóa tỉnh năm 2015 và diện tích bảo đảm chưa đạt tới 23% theo kế hoạch 5 năm lần thứ 12, trên cơ sở các số liệu điều tra, tiến hành xác định thứ tự ưu tiên đảm bảo nhà ở cho 1.724.000 hộ lần lượt trong 5 năm. Danh sách này được thông báo công khai tại các địa phương, để các hộ thuộc đối tượng được hưởng chính sách bảo đảm nhà ở có sự chuẩn bị, chính quyền địa phương có cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, cộng đồng dân cư tham gia giám sát.

### **2. Triển khai các giải pháp**

#### **- Dựa theo tiến độ của kế hoạch, hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng**

Tăng cường tổ chức quản lý thi công, căn cứ đặc điểm khí hậu của các khu vực trên địa bàn tỉnh, xây dựng các yêu cầu nhiệm vụ và mốc tiến độ khác nhau, đồng thời quy định xây dựng nhà ở xã hội nhiều tầng phải được hoàn thành trong 12 tháng, nhà cao tầng quy mô nhỏ trong thời gian 24 tháng, nhà cao tầng lớn quy mô lớn trong 30 tháng.

#### **- Lựa chọn địa điểm, chú trọng sự đồng bộ về hạ tầng**

Theo Văn bản đã được ban hành về “Phương pháp quản lý xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và lựa chọn địa điểm xây dựng dự án nhà ở xã hội tỉnh Thiểm Tây”, quy định dự án nhà ở xã hội phải theo nguyên tắc “4 đồng bộ” đó là: quy hoạch, xây dựng, nghiệm thu và sử dụng đồng bộ; Đồng thời quy định đối với những dự án đã xây dựng chưa hoàn thiện về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, chính quyền các cấp phải chỉ đạo các bên liên quan hoàn thành trong thời hạn 2 năm.

#### **- Thiết lập cơ chế bảo đảm về tiền vốn và đất đai**

Năm 2014, tỉnh Thiểm Tây đã xây dựng chỉ tiêu đất xây dựng nhà ở xã hội là 2.078,6 ha. Đồng thời với hỗ trợ của ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh trong 4 năm (2010 - 2014) đã bố trí được khoảng 2,5 tỷ USD cho xây dựng nhà ở xã hội.

#### **- Xác lập hoàn thiện chế độ kiểm tra**

Tỉnh Thiểm Tây xây dựng kế hoạch hàng tháng hành kiểm tra lần lượt các khu vực, mỗi quý họp đánh giá, thông báo công khai kết quả kiểm tra, bàn thảo về công tác của các khu vực có hiện trạng trì trệ. Kiên trì kiểm tra toàn bộ hệ thống nhà ở xã hội, mỗi quý tiến hành tuần tra toàn diện về tình hình của các công tác: khởi công, kết thúc, phân phối và sử dụng nhà ở xã hội của toàn tỉnh, đảm bảo tiến độ của dự án.

### **2. Xây dựng chế độ phân phối và đăng ký sử dụng nhà ở**

#### **- Đảm bảo phân phối một cách công bằng rõ ràng**

Văn bản “Phương pháp quản lý nhà ở xã hội của tỉnh Thiểm Tây” đã quy định rất rõ ràng đối với công tác phân phối nhà ở xã hội, nghiêm túc thực hành chế độ “ba cấp kiểm tra, ba lần công bố”, đồng thời sử dụng phương pháp công khai

lấy số để tiến hành phân phối, để cho người dân có thể hiểu rõ, đồng thời tiếp nhận giám sát, bảo đảm công khai minh bạch. Việc phân phối nhà ở xã hội có sự tham gia của đại biểu nhân dân, xây dựng chế độ giải quyết khiếu nại, để việc phân phối được thực hiện một cách công khai minh bạch và công bằng.

#### **- Làm việc theo quy tắc, quy trình**

Tỉnh Thiểm Tây yêu cầu các huyện, thị xã trực thuộc nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục xét duyệt, nắm chắc công tác phân phối và đăng ký sử dụng nhà ở xã hội, giảm thời gian xét duyệt của các cấp từ 70 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.

#### **- Tăng cường dịch vụ tiện ích cho dân**

Tỉnh Thiểm Tây luôn yêu cầu các huyện, thị xã bố trí nhân lực quản lý nhà ở xã hội, thành lập phòng dịch vụ nhà ở xã hội làm nhiệm vụ

cung cấp các dịch vụ tiện ích cho người dân.

#### **- Hoàn thiện cơ chế quản lý**

Để nâng cao trình độ quản lý nhà ở xã hội, chính quyền ba cấp huyện, thị xã và tỉnh của Thiểm Tây cùng thành lập Trung tâm quản lý nhà ở xã hội, xây dựng kênh thông tin về bảo đảm nhà ở, thực hiện mạng lưới liên kết giữa 5 cấp: cộng đồng, ủy ban quản lý, huyện, thị và tỉnh; điều chỉnh và quản lý xây dựng dự án, phân phối, bàn giao, theo dõi quản lý và quản lý đối tượng bảo đảm tất cả cùng tiến hành ở kênh thông tin này.

#### **Sở Nhà ở, Phát triển Đô thị, Nông thôn tỉnh Thiểm Tây**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn số 2/2015*

**ND: Khánh Ly**

## **Thành phố Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc: Tích cực thúc đẩy thị trường cho thuê nhà ở, đảm bảo nhu cầu nhà ở cho người dân**

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn nhiều năm công tác và tinh thần tích cực tìm tòi, đổi mới, năm 2013 thành phố Đại Liên đã đưa ra quan điểm xây dựng nhà ở cho thuê. Thông qua các hạng mục nhà ở thương mại mới xây để xây dựng nhà ở cho thuê, nâng cao lượng cung ứng nhà ở cho thuê trên thị trường, điều chỉnh kết cấu cung ứng nhà ở, hướng dẫn cho mọi tầng lớp người dân thông qua phương thức cho thuê trên thị trường để giải quyết vấn đề nhà ở. Trong 2 năm qua, trong số 15 hạng mục nhà ở thương mại mới xây, thành phố Đại Liên đã xây dựng được 220 nghìn m<sup>2</sup> nhà ở cho thuê, tức khoảng 3.000 căn.

#### **I. Bối cảnh xây dựng nhà ở cho thuê**

Bắt đầu từ năm 2011, thành phố Đại Liên đã bắt tay tiến hành nghiên cứu về thị trường nhà ở cho thuê nhằm xác định hợp lý quy mô xây

dựng nhà ở cho thuê, đồng thời triển khai công tác điều tra về tình hình nhu cầu nhà ở và hiện trạng nhà ở cho thuê nhằm đưa ra các chính sách tổng quan làm căn cứ. Tính đến năm 2013, tổng cộng có 934 nghìn căn nhà ở trong nội thành, trong đó có khoảng 110 nghìn căn được đưa vào thị trường nhà ở cho thuê, tỷ lệ nhà ở cho thuê là 11,8%. Qua điều tra cho thấy, tổng nhu cầu nhà ở cho thuê trong nội thành thành phố Đại Liên là khoảng 179 nghìn căn, nguồn cung nhà ở thiếu khoảng 69 nghìn căn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới thiếu hụt nhà ở cho thuê là do: *Thứ nhất*, những gia đình không có nhà ở, đa số sống cùng với bố mẹ hoặc người thân, các sinh viên mới tốt nghiệp đại học cơ bản đều thuê chung, do đó có nhiều nhu cầu cải thiện điều kiện nhà ở; *Thứ hai*, là một thành phố ven biển, thành phố Đại Liên là nơi tập



trung của nhiều doanh nghiệp và cơ cấu nước ngoài, nhu cầu nhà ở cho thuê cao cấp hay nhu cầu nhà cho thuê phục vụ du lịch... tăng mạnh; Thứ ba, cùng với sự phát triển đô thị hóa trong toàn khu vực, công tác cải tạo khu vực thành phố cũ tại Đại Liên được tăng cường, các nhà cũ, lâu đời dần được tháo dỡ do đó nguồn nhà ở dùng để cho thuê cũng giảm dần. Vì vậy, việc gia tăng lượng cung ứng nhà ở cho thuê, nâng cao chất lượng nhà ở cho thuê vừa có thể thu hút các tầng lớp nhân tài khác nhau tới Đại Liên để phát triển sự nghiệp lại vừa có lợi cho việc duy trì sự ổn định trong mức tiền thuê nhà, giảm gánh nặng về tiền thuê nhà cho các hộ gia đình, thúc đẩy sự phát triển ổn định và lành mạnh trong thị trường bất động sản.

## **II. Biện pháp xây dựng nhà ở cho thuê**

### **1. Chính quyền thành phố đưa ra các văn kiện để làm căn cứ chính sách**

Để thúc đẩy sự phát triển của thị trường nhà ở cho thuê, năm 2013, Chính quyền thành phố Đại Liên đã đưa ra “Ý kiến thực thi xây dựng nhà ở cho thuê thành phố Đại Liên” (dưới đây gọi tắt là “Ý kiến”). Tháng 7/2014, Cục Quản lý nhà ở và tài nguyên đất đai cùng các cơ quan có liên quan của thành phố đã đưa ra “Quy định tạm thời về quản lý xây dựng nhà ở cho thuê thành phố Đại Liên” (dưới đây gọi tắt là “Quy định”). Trong “Ý kiến” và “Quy định” đều yêu cầu rõ ràng tất cả các hạng mục nhà ở thương mại tại khu vực thành phố đều phải có 10% tỷ lệ nhà ở cho thuê, nhà ở cho thuê chủ yếu do các công ty khai thác nắm giữ quyền sở hữu bất động sản, đồng thời do các doanh nghiệp này tiến hành quản lý cho thuê để hướng tới cho thuê trong toàn xã hội. Chính quyền sẽ đưa ra chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà đối với các gia đình phù hợp với tiêu chuẩn bảo đảm. Nhà ở cho thuê cần được xây dựng đồng bộ, cùng hoàn công và bàn giao với nhà ở thương mại hoặc chung cư tại hạng mục, đồng thời được tiến hành quản lý đồng thời. Loại hình căn hộ nhà ở cho thuê cần được đa dạng hóa để phù

hợp với nhu cầu nhà ở của nhiều đối tượng khác nhau, ví dụ như người mới đi làm, những người có hoàn cảnh khó khăn... Nhà ở được xây dựng để cho thuê nếu chưa qua sự phê chuẩn của Chính quyền thì không được cho thuê, nhà ở này cũng có thể chuyển nhượng theo pháp luật nhưng không được thay đổi tính chất sử dụng của căn hộ.

### **2. Các cơ quan phối hợp cùng nhau, tăng cường quản lý giám sát**

Căn cứ theo nguyên tắc “Chính quyền chỉ đạo, thị trường tham gia”, các cơ quan có liên quan đều xác định rõ trách nhiệm, tăng cường hợp tác, cùng giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình xây dựng nhà ở cho thuê, xây dựng nên cơ chế làm việc phối hợp thống nhất với mục đích tạo nền tảng cho việc thiết lập cơ chế hiệu quả dài lâu và hoàn thiện hệ thống cung ứng nhà ở cho thuê trong tương lai. Cơ quan quản lý quỹ đất thành phố khi đưa ra phương án chuyển nhượng đất đai cụ thể cần căn cứ theo các quy định và ý kiến để đưa mục nhà ở cho thuê vào trong phương án chuyển nhượng đất đai, đồng thời trung cầu ý kiến của cơ quan quy hoạch, cơ quan bảo đảm nhà ở. Cơ quan quy hoạch sẽ đưa ra điều kiện quy hoạch, cụ thể là các mục về tỷ lệ, mục đích sử dụng... đối với nhà ở cho thuê. Doanh nghiệp khai thác bất động sản thông qua đấu giá đất để có được quyền sử dụng đất cho xây dựng. Cơ quan quy hoạch của thành phố khi lên phương án quy hoạch chi tiết cần xác định rõ vị trí, loại hình hộ nhà ở, diện tích, số căn, đưa quy hoạch chi tiết và phương án thiết kế quy hoạch sau khi phê chuẩn của nhà ở cho thuê và gửi hồ sơ tới cơ quan bảo đảm nhà ở. Cơ quan chủ quản hành chính xây dựng sẽ tăng cường giám sát, nghiệm thu hoàn công, quản lý... đối với chất lượng công trình nhà ở cho thuê.

### **III. Mô hình xây dựng nhà ở cho thuê**

Việc thực thi chính sách xây dựng nhà ở cho thuê trong hạng mục nhà ở thương mại mới xây trước hết giúp phát huy đầy đủ tác dụng của thị

trường nhà ở cho thuê, chuyển hướng chỉ đạo dẫn dắt từ chính quyền sang thị trường, thay đổi quan điểm nhà ở truyền thống. *Thứ hai*, các chính sách về nhà ở cho thuê giúp hỗ trợ phát triển thị trường nhà ở cho thuê, nguồn nhà càng nhiều thì giá cả cho thuê lại càng rẻ, thu hút nhu cầu nhà ở cho thuê đối với những gia đình khó khăn, thu nhập thấp không có khả năng mua nhà thương mại. *Thứ ba*, nhà ở cho thuê được xây dựng tại các khu vực khác nhau tại đô thị giúp đáp ứng nhu cầu nhà ở của nhiều tầng lớp cư dân, bảo đảm cư trú phân tán, tránh tập trung, đồng thời giải quyết được những khó khăn về học tập, khám chữa bệnh, đi lại... của các gia đình.

Sự phát triển của thị trường nhà ở cho thuê tại thành phố Đại Liên vừa mới khởi bước, các chế độ chính sách có liên quan vẫn cần không ngừng hoàn thiện. Trong tương lai, thành phố Đại Liên cần nắm chắc cơ hội, tiếp tục nghiên cứu về hướng phát triển thị trường nhà ở cho thuê, đưa ra các biện pháp chính sách hợp lý, thúc đẩy toàn diện việc xây dựng và phát triển thị trường nhà ở cho thuê tại địa bàn.

### **Cục quản lý nhà và tài nguyên đất đai thành phố Đại Liên**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 2/2015*

**ND: Kim Nhạn**

## **Đặc điểm thiết kế các tổ hợp công trình dịch vụ du lịch trong điều kiện khí hậu khô nóng của các nước Trung Á**

Tại các quốc gia có khí hậu nóng, người ra đã áp dụng nhiều biện pháp chống nóng và thích ứng với môi trường trong xây dựng dân dụng như: phủ xanh mái nhà; làm mát và tăng ẩm không khí nhờ hệ thống kênh, bể bơi, đài phun nước; khai thác không gian ngầm... Trong bài này, tác giả đề cập tới đặc điểm xây dựng các công trình dịch vụ du lịch (các tổ hợp công trình dịch vụ du lịch nhà nghỉ - khách sạn) tại các thành phố ở Trung Á - nơi có mật độ xây dựng tương đối cao trong không gian mang đậm nét văn hóa - lịch sử.

Khu vực Trung Á có địa hình sa mạc và hoang mạc, với đặc trưng là khí hậu khô nóng, không thuận lợi cho sinh hoạt; sự phát triển thiếu đồng đều của hệ thống giao thông đô thị, đồng thời động đất (do nằm trọn trong vành đai động đất) cũng là một đặc điểm cơ bản cần được xem xét khi thiết kế và xây dựng các công trình/ nhà ở tại đây.

Có thể lấy những điểm dân cư tập trung (một ngôi làng hay một đô thị) ở đồng bắc hoặc phía bắc Ấn Độ để làm ví dụ cho các giải pháp bố cục hình khối tại vùng khí hậu khô nóng, thể

hiện ở cách bố trí nhà ở cũng như các công trình khác theo từng cụm, từng quần thể khá nhỏ gọn, công trình nọ che nắng cho công trình kia, khoảng không gian mở đón ánh nắng mặt trời bao quanh công trình nhờ đó được thu hẹp lại. Tại những nơi có nguy cơ bão cát và bụi sa mạc, để bảo vệ những ngôi nhà khỏi cát, bụi, các bức tường được thiết kế với các ô lấy sáng có kích thước hạn chế tối đa. Đường phố thường hẹp và ngoằn ngoèo nhằm ngăn cản sự gia tăng vận tốc gió. Các không gian công cộng (khu mua sắm, thương mại) được bảo vệ tránh các tác động của gió sa mạc bằng cách cố kết chặt từng ngôi nhà riêng biệt cũng như các kết cấu bao che. Chẳng hạn, tại thành phố Shibam (Cộng hòa Yemen), khi các trận bão cát mạnh nhất, người dân có thể đi trên những con phố, những khu quảng trường được che chắn kỹ mà không cần quá lo lắng về các trận cuồng phong đang hoành hành bên ngoài các bức tường của thành phố. Trong mỗi ngôi nhà, các căn phòng đều được thiết kế bao quanh một khoảng sân nhỏ. Biện pháp xây dựng và thiết kế này trải dài tới tận các điểm đầu thành phố, nơi những bức

tường cao bao theo chu vi không chỉ đóng vai trò bảo vệ các khu nhà, mà còn lập nên một “rào chắn” vững chắc để bảo vệ cả thành phố trước các luồng gió cát và bụi từ sa mạc bên ngoài.

Dựa vào thực tế khách quan và kinh nghiệm xây dựng trên đây, có thể đúc kết một số giải pháp cơ bản nhất về quy hoạch - kiến trúc cũng như hình khối - không gian của các tổ hợp nhà nghỉ - khách sạn và các công trình dịch vụ du lịch trong điều kiện khí hậu khô nóng như sau:

- Thiết lập các hình khối nhỏ gọn khép kín, bao quanh một khoảng sân nhỏ bên trong;
- Thiết kế các ô cửa sổ, cửa lấy sáng trên các tường ngoài với kích thước càng nhỏ càng tốt;
- Sử dụng các mặt dựng có gắn các thiết bị chống nắng hoặc tia cực tím, và bằng các vật liệu có tính năng cách nhiệt tốt.

Trong phạm vi các tổ hợp khách sạn, vùng vi khí hậu mát mẻ tiện nghi cho sinh hoạt của con người sẽ được thiết lập thông qua việc bố trí các mảng xanh và không gian mặt nước một cách hợp lý, bảo đảm thông gió cho các căn phòng.

Trong điều kiện khí hậu khô nóng, tại những nơi thảm thực vật khó phát triển do thiếu nước, các nhà thiết kế - xây dựng cần ghi nhớ nguyên tắc: kết hợp hài hòa không gian mở và không gian xây dựng theo một tỷ lệ nhất định. Một nguyên tắc nữa về xây dựng các khu (điểm) dân cư trong sa mạc là thiết lập những không gian “bóng râm” nhân tạo, xuất phát từ thực tế không đủ nước để tưới tiêu, từ đó rất khó để có được lượng bóng mát cần thiết từ cây xanh, thực vật trong tự nhiên. Nhờ bố cục nhỏ gọn, sự tập trung từng ngôi nhà đơn lẻ thành cụm có thể lập nên những nhóm nhà theo cách nhà nọ che mát cho nhà kia, còn không gian mở đón ánh mặt trời bao quanh các ngôi nhà được thu hẹp lại.

Cộng hòa Turkmenia là quốc gia Trung Á có tiềm năng lớn về du lịch cũng như khả năng kinh tế để phát triển ngành du lịch. Với hệ thống thể chế pháp lý phù hợp, môi trường chính trị - xã hội ổn định, an ninh, an toàn là những sự bảo đảm chắc chắn nhất để phát triển du lịch

quốc tế và du lịch nội địa ở Turkmenia. Chính phủ Turkmenia đã đầu tư một khoản lớn vốn ngân sách để xây dựng các tổ hợp công trình du lịch và tổ chức các không gian công cộng trong quần thể Khu nghỉ dưỡng quốc gia Avaza trên bờ biển Caspi. Để khai thác tối đa các giá trị của không gian văn hóa - lịch sử, Turkmenia cũng đang tích cực xem xét việc quy hoạch xây dựng các trung tâm du lịch ngay tại khu vực dày đặc di sản kiến trúc. Một trong những khu vực cảnh quan tuyệt đẹp và có giá trị chính là khu rừng cấm quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa “Drevnhiy Merv”, với các di tích đã được UNESCO đưa vào Danh mục Di sản thế giới năm 1999. Xét tính đa dạng của các kiến trúc, tại khu vực này đã hình thành cơ sở để thiết lập các điều kiện tối ưu nhằm bảo tồn các di sản kiến trúc và không gian cảnh quan đậm tính lịch sử. Việc phân tích, tổng hợp kịp thời và chính xác các vấn đề cấp thiết hiện nay trong công tác tổ chức quy hoạch và xây dựng các trung tâm nghỉ dưỡng, các khu du lịch, sẽ cho phép Turkmenia đưa ra những định hướng phù hợp về cả về lý luận và thực tiễn cho phát triển hạ tầng du lịch của đất nước trong tương lai.

Trong thời gian tới, ngành công nghiệp du lịch của Turkmenia được coi là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy sự phát triển của một đất nước vùng Trung Á nhiều sa mạc. Việc hiểu rõ nguồn tài nguyên văn hóa - lịch sử, tài nguyên nghỉ dưỡng, các đặc điểm quốc gia và đặc điểm vùng miền (điều này rất cần thiết khi thiết kế và xây dựng hệ thống công trình, tổ hợp nghỉ ngơi - vui chơi - du lịch - giải trí) sẽ là cơ sở để xác định các hình thức du lịch có triển vọng nhất, cũng như các yếu tố cơ bản góp phần thúc đẩy loại hình du lịch đó phát triển.

Dựa vào kinh nghiệm quy hoạch “Drevnhiy Merv”, các nhà xây dựng có thể tiếp tục nghiên cứu tiến tới thiết lập các điều kiện tiện nghi trong từng gian phòng và trong các không gian mở bên trong cả tổ hợp công trình. Thông qua nghiên cứu về vật liệu, công nghệ xây dựng

hiện đại, đồng thời kết hợp với các hình thức kiến trúc truyền thống, có thể thiết lập những tổ hợp công trình dịch vụ du lịch đáp ứng tối đa yêu cầu công năng, đồng thời thỏa mãn các điều kiện của không gian, môi trường bên ngoài. Việc ứng dụng các nguồn năng lượng phi truyền thống (chủ yếu là năng lượng mặt trời) không chỉ tạo nên những tiện ích về sinh thái, mà còn cho phép xây dựng những công trình có chi phí vận hành giảm đáng kể.

Trung tâm du lịch kiểu mới - khác với phong cách truyền thống - cần được hình thành như một tổ hợp thống nhất quy tụ đầy đủ các chức năng bảo tồn di tích kiến trúc và dịch vụ du lịch. Hiệu quả kinh tế - xã hội của một trung tâm du lịch thể hiện ở sự quan tâm của các nhà kinh doanh trong lĩnh vực này khi góp vốn đầu tư cho hạ tầng du lịch, cũng như cho các công tác

khảo cứu và phục chế. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy việc nghiên cứu nâng cao tiện nghi sinh hoạt và lưu trú cho du khách đến thăm quan. qua đó tạo những tiền đề cho phát triển dân số (điều đặc biệt ý nghĩa đối với các vùng sa mạc và hoang mạc). Với định hướng này, các kiến trúc sư Turkmenia kỳ vọng có thể sớm đạt được mục tiêu nhiệm vụ của kiến trúc hiện đại - tổ chức không gian công cộng không chỉ có tính thẩm mỹ cao mà còn đậm tính xã hội - nhân văn, có thể đáp ứng nhịp sống hiện đại cùng những nhu cầu hiện thực của con người.

**D. Bairamova**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga*

*tháng 5/2015*

**ND: Lê Minh**

## **Kinh nghiệm quản lý xây dựng quy hoạch đô thị của Singapore**

Singapore nằm ngoài khơi mũi phía nam của bán đảo Mã Lai và cách xích đạo 137 km về phía Bắc. Lãnh thổ Singapore gồm có một đảo chính hình thoi và khoảng 60 đảo nhỏ hơn, tổng diện tích vào khoảng 718,3 km<sup>2</sup>, dân số hơn 5,4 triệu người, mật độ dân số khoảng 7.600 người/ km<sup>2</sup>. Singapore vừa là trung tâm tài chính lớn thứ 4, vừa là thành phố vườn nổi tiếng trên thế giới. Do chịu sự hạn chế của điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên đất đai là một trong những hạn chế lớn nhất trong quá trình phát triển của Singapore. Làm thế nào để sử dụng nguồn tài nguyên đất đai có hiệu quả, điều này trở thành một vấn đề quan trọng trong quy hoạch đô thị tại Singapore.

### **I. Singapore đã mang đến cho thế giới khuôn mẫu đô thị**

Singapore rất nghiêm ngặt trong việc thực hiện các chiến lược, cơ chế, quy định pháp luật, giữa quy hoạch đô thị, xây dựng và quản lý luôn có sự kết nối chặt chẽ với nhau, phối hợp phát

triển, mang đến cho thế giới những khuôn mẫu quản lý đô thị tốt nhất.

#### **1. Xây dựng hệ thống quy hoạch đô thị khoa học**

Hệ thống quy hoạch đô thị Singapore được cấu thành bởi 3 cấp: khái niệm về quy hoạch, quy hoạch tổng thể và hướng dẫn phát triển.

#### **2. Nỗ lực thực hiện quản lý quy hoạch đô thị**

(1). Thiết lập cơ cấu. Bộ phát triển quốc gia Singapore thiết lập: Cơ quan Tái thiết đô thị của Singapore (URA), Cục Nhà ở và phát triển (HDB)... phụ trách thực hiện quản lý xây dựng quy hoạch đô thị

(2) . Quản lý quy hoạch. Hệ thống quy định pháp quy của Singapore tương đối hoàn thiện và được thực hiện rất nghiêm ngặt.

#### **3. Vận dụng khái niệm tiên tiến để phát triển đô thị**

(1). Khoa học hướng tới tương lai, xác định kết cấu đô thị và bố cục chức năng hợp lý. Mật độ dân số của Singapore được xếp hạng thứ 2

trên thế giới, nhưng rất ít xảy ra hiện tượng liên quan tới xây dựng, ùn tắc giao thông hay tồn tại các hiện tượng về dân số tại các thành phố lớn. Điều này chủ yếu là do Singapore đã áp dụng lý thuyết giới hạn quy hoạch hướng đến tương lai, đã đề xuất khái niệm quy hoạch theo mô hình kết cấu không gian xếp chồng. Ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng khu trung tâm du lịch, thương mại, tài chính, kinh tế mang tính quốc tế; ở phía Tây bố trí các ngành công nghiệp nặng và công nghiệp hóa hóa chất; Phía Đông xây dựng sân bay quốc tế, nằm dọc hành lang các tuyến giao thông cao tốc, xây dựng khu dân cư và các thị trấn mới có ngành công nghiệp nhẹ, đồng thời, thiết lập hệ thống kết cấu giao thông và hệ thống hạ tầng dịch vụ công cộng tương ứng, thực hiện phân công bộ phận chức năng trong khu vực, có thể phù hợp với phát triển, tránh việc nhu cầu quá độ về giao thông giữa các khu vực.

(2). Xây dựng hệ thống giao thông toàn diện của đô thị một cách khoa học, hiệu quả và thuận tiện. Giao thông đô thị của Singapore rất có trật tự, tất cả đều nhờ vào công tác quản lý giao thông nghiêm ngặt và quy hoạch mạng lưới giao thông toàn đô thị một cách khoa học.

*Một là* kết cấu khoa học và hiệu quả. Quy hoạch đường của Singapore có ưu điểm rõ rệt, mạng lưới đường bộ của Singapore có kết cấu giống như tổ ong, đất sử dụng để xây dựng đường giao thông chỉ chiếm từ 12 – 15% diện tích lãnh thổ, mật độ mạng lưới đường giao thông đứng thứ 3 trên thế giới.

*Hai là* hệ thống đường giao thông hoàn thiện. Đường giao thông của Singapore được cấu thành bởi 4 cấp hệ thống mạng lưới: hệ thống tàu điện ngầm, hệ thống đường sắt nhẹ, đường cao tốc đô thị và đường phố. Mạng lưới tàu điện ngầm là hệ thống chính, các hệ thống giao thông khác là bổ trợ, phối hợp với nhau hoà hòa phát triển. Hệ thống tàu điện ngầm cơ bản phủ rộng các khu vực quan trọng trên cả nước, đảm bảo toàn bộ hệ thống giao thông

của Singapore được ổn định và hiệu quả.

*Ba là* bố cục hợp lý, kết nối thuận tiện. Thông thường các trạm giao thông của Singapore được xây dựng tại các khu vực trung tâm các cấp và khu vực có mật độ lưu thông lớn, tạo điều kiện đi lại cho người dân.

*Bốn là* phát triển toàn diện, điều chỉnh phân bố phù hợp. Ở Singapore, vòng ngoài của các đầu nút giao thông quan trọng thường thực hiện xây dựng khu dân cư, thương mại với mật độ cao nhằm mục đích phát triển hỗn hợp, nâng cao hiệu quả phân bố dân số.

(3). Hoàn thiện đồng bộ, tiêu chuẩn hóa xây dựng hệ thống hạ tầng dịch vụ công cộng. Quy hoạch hệ thống hạ tầng dịch vụ công cộng là trọng điểm quy hoạch phát triển toàn diện đô thị của Singapore, để tạo thuận lợi cho các dịch vụ, giảm đi lại hàng ngày, chính phủ Singapore đặc biệt chú trọng tới việc tập hợp và bố cục hạ tầng dịch vụ công cộng, hình thành hệ thống hạ tầng dịch vụ công cộng theo mô hình: “khu vực trung tâm chính - khu tiểu trung tâm - khu trung tâm đô thị mới”, trong khu đô thị mới lại được thiết lập theo quy mô “Khu trung tâm đô thị mới - trung tâm cộng đồng - trung tâm khu phố”... căn cứ vào quy mô dân số và bố cục thiết lập các cấp trung tâm tương ứng, quy mô và chức năng kinh doanh, hạ tầng trường học, y tế, giao thông..., các vấn đề dân sinh cơ bản đã được giải quyết, giảm lưu lượng đi lại rất nhiều, có hiệu quả trong công tác phòng tránh phát sinh “bệnh của các thành phố lớn”. Từ bố cục, quy mô cụ thể cho đến việc bán những loại hàng hóa đều được yêu cầu rõ ràng, như trong trung tâm khu phố, căn cứ theo yêu cầu sẽ xây dựng 35 cửa hàng, 2 nhà hàng, 1 siêu thị, 2 cửa hàng rau, 1 - 2 máy ATM. Đồng thời quy định các chức năng cần thiết, quy định tiêu chuẩn hóa đối với cấu trúc và hạ tầng thương mại

(4). Ưu tiên sinh thái, tạo ra “Thành phố vườn”. Mặc dù nguồn tài nguyên đất của Singapore hạn hẹp, nhưng vẫn đảm bảo một lượng lớn không gian sinh thái. Trong phát triển

đô thị, singapore luôn thúc đẩy công tác phủ xanh đa chiều trong xây dựng, trên cả nước đều thể hiện hình ảnh đô thị sinh thái và quốc gia sinh thái.

*Thứ nhất*, Singapore phân vạch tuyến xanh rõ ràng, quản lý giám sát chặt chẽ; *Thứ hai*, thiết lập tiêu chuẩn, nghiêm túc thực hiện. Do nghiêm túc thực hiện nên hiện Singapore có đến 44 công viên trong các đô thị, diện tích mỗi công viên trên 20 ha, có 240 công viên trong trung tâm các khu phố với diện tích 0,2 ha; *Thứ ba*, các con đường xanh liên thông với nhau; *Thứ tư*, chú trọng tới việc phục hồi hệ sinh thái. Thông qua việc xây dựng “cây cầu sinh thái” sẽ giúp những khu vực sinh thái bị đường giao thông cắt ngang qua liên thông với nhau, đảm bảo rằng việc tự do đi lại thuận lợi, khôi phục hệ sinh thái; Năm là thiết lập cảnh quan xanh đa chiều.

## **II. Thông qua khái niệm tiên tiến, xây dựng thành phố Tam Á (là thành phố cực nam của đảo Hải Nam, Trung Quốc) xứng tầm quốc tế**

### **1. Quy hoạch khoa học, nghiêm túc thực hiện quy hoạch**

Về phương diện thiết kế và quy hoạch vận hành hệ thống có rất nhiều khái niệm tiên tiến, ví dụ như: đối với khái niệm lập quy hoạch trước, sử dụng phương pháp và lý luận quy hoạch cực hạn, đối với ngành công nghiệp, không gian và quy mô sắp xếp, thực sự có sự hướng dẫn phát triển theo trình tự, kinh nghiệm của singapore đáng để học hỏi. Tác giả bài viết kiến nghị:

*Thứ nhất*, lập khái niệm quy hoạch đô thị. Sai lầm lớn nhất trong quy hoạch đô thị đó là lãng phí, thành công trong quy hoạch là mang lại lợi ích và hiệu quả. Có thể nói, hiện nay khái niệm và phương pháp quy hoạch của Singapore là khuôn mẫu. Xác định cực hạn không gian đô thị Tam Á làm nền móng, triển khai công tác quy hoạch dài hạn đối với Tam Á. Để chiến lược quốc gia và liên kết khu vực phát triển kinh tế làm định hướng, phân tích cơ chế

động lực và bố cục không gian toàn thành phố Tam Á, tiến hành kiểm soát chiến lược đối với những khu vực quan trọng, sắp xếp việc sử dụng đất, xây dựng...thiết lập một mô hình phát triển không gian đô thị dài hạn.

*Thứ hai*, kiểm soát quy hoạch khu trung tâm đô thị. Để tăng cường hơn nữa mục tiêu, vị trí, bố cục chức năng trong quy hoạch tổng thể đô thị, nâng cao tính phối hợp giữa các khu vực trong đô thị, tối ưu hóa kết cấu không gian và bố cục chức năng đô thị, trong phạm vi và quyền hạn của thành phố Tam Á, có thể kết hợp chiến lược ngắn hạn của thành phố và yêu cầu của kế hoạch 5 năm lần thứ 13, triển khai việc kiểm soát và quy hoạch trung tâm đô thị một cách phù hợp, tối ưu hóa, hội nhập và nâng cao ngành công nghiệp, bố cục chức năng không gian, thông qua mục tiêu phát triển đô thị ngắn hạn, xác định rõ ràng trọng điểm xây dựng.

*Thứ ba*, nghiêm túc chấp hành quy hoạch đô thị. Trong quá trình chấp hành quy hoạch đô thị, thông qua luật quy hoạch, các khái niệm về quy hoạch chi tiết, kế hoạch chi tiết hướng dẫn sự phát triển, Singapore đã hình thành hệ thống thực thi và hệ thống quy hoạch tương đối hoàn chỉnh. Đây chính là kinh nghiệm thành công đáng để các nước khác học hỏi, quy hoạch được thực hiện tốt phụ thuộc rất nhiều vào việc chấp hành thực hiện.

### **2. Hoàn thiện chức năng, tối ưu hóa kết cấu**

Hiện nay, các khu công viên, khu danh lam thắng cảnh của thành phố Tam Á chưa đồng bộ với chức năng dịch vụ du lịch, trong khi, sự phụ thuộc vào dịch vụ trung tâm đô thị tương đối mạnh mẽ, trong khu vực trung tâm đô thị hình thành hệ thống giao thông tương đối rõ nét, đặc biệt là vào mùa du lịch, đã hình thành sự tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng, hạn chế tính tối ưu của trật tự không gian và chức năng của đô thị. Tác giả bài viết kiến nghị:

*Thứ nhất*, nhanh chóng xây dựng hạ tầng công cộng. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dịch vụ công cộng và hệ thống giao thông tại các khu

vực, giảm thời gian đi lại của người dân.

*Hai là*, xây dựng các nhóm mới để tạo hình tượng mới cho đô thị. Trong khu vực trung tâm đô thị, đẩy nhanh công tác hoàn thiện quy hoạch, thực hiện bổ khuyết chức năng trong đô thị, tạo ra các nhóm dân cư mới.

Ngoài ra, việc quan trọng cần làm là tích cực khám phá công việc thực tế của đô thị, chú trọng nhiều hơn đối với công tác đào tạo nhân

tài trong hệ thống quy hoạch, không ngừng nâng cao trình độ quản lý quy hoạch đô thị.

**Hoàng Hải Hùng**

*Cục trưởng*

*Cục Quy hoạch thành phố Tam Á*

*Nguồn: <http://www.zgghw.org>*

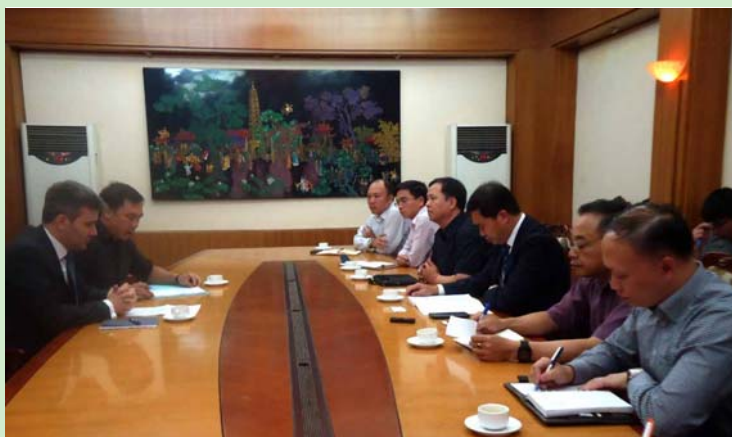
**ND: Bích Ngọc**

## **BỘ XÂY DỰNG TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI**

**Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015**



Thứ trưởng Lê Quang Hùng chụp ảnh lưu niệm cùng đoàn công tác liên danh Imper- Italia và Technicol - Nga



Thứ trưởng Lê Quang Hùng tiếp đại diện Tập đoàn Autodesk (Mỹ)